QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: 18/2026/QH16

LUẬT
PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật Phát triển đô thị.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Luật này quy định cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển thành phố là đô thị loại đặc biệt (sau đây gọi là đô thị đặc biệt), thành phố khác và khu kinh tế đặc biệt.

2. Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố khác là đô thị đặc biệt (sau đây gọi là Thành phố) được áp dụng cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển đô thị đặc biệt quy định tại Luật này. Thành phố Hà Nội thực hiện theo quy định tại Luật Thủ đô.

3. Thành phố không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này được áp dụng một số cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển đô thị đặc biệt quy định tại Luật này, trừ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 7, Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 16 và Mục 7 Chương II của Luật này.

4. Khu kinh tế đặc biệt được áp dụng cơ chế, chính sách phát triển khu kinh tế đặc biệt quy định tại Luật này. Tỉnh, thành phố nơi có khu kinh tế đặc biệt được thực hiện một số cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển đô thị đặc biệt quy định tại Chương II của Luật này để áp dụng trên địa bàn khu kinh tế đặc biệt, trừ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 7, Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 16 và Mục 7 Chương II của Luật này.

5. Chính phủ quy định phạm vi áp dụng cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển đô thị đặc biệt cho các trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này trong trường hợp có chủ trương của cấp có thẩm quyền, trên cơ sở phù hợp với điều kiện đặc thù, định hướng phát triển, năng lực thực thi của từng địa phương và tuân thủ các nguyên tắc quy định tại các khoản 1, 2, 4 và 5 Điều 3 của Luật này.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

6. Trường hợp cần thí điểm cơ chế, chính sách khác hoặc chưa được quy định trong Luật này, văn bản quy phạm pháp luật khác của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với các trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội, Chính phủ ban hành nghị định sau khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền và được sự đồng ý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Khu kinh tế đặc biệt* là xã, phường, đặc khu có vị trí chiến lược, được công nhận theo các tiêu chí quy định tại Luật này, được áp dụng các cơ chế, chính sách vượt trội để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng và cả nước.

2. *Dự án lớn, quan trọng* là một trong các dự án sau đây:

a) Dự án đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công, dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là dự án PPP) sử dụng vốn ngân sách địa phương, nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương, dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư cần triển khai ngay, dự án đầu tư xây dựng cấp bách hoặc khẩn cấp theo chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Đảng ủy Chính phủ, Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố;

b) Dự án đầu tư công, dự án PPP sử dụng vốn ngân sách địa phương, nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương trên địa bàn Thành phố, vùng đô thị đặc biệt đáp ứng tiêu chí phân loại dự án quan trọng quốc gia theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

c) Dự án thuộc Danh mục ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược do nhà đầu tư chiến lược thực hiện.

3. *Không gian tầm thấp, không gian tầm cao* là phần không gian trên bề mặt đất, mặt nước thuộc địa giới hành chính Thành phố có phạm vi, ranh giới, độ cao được xác định theo quy hoạch của Thành phố, được sử dụng cho mục đích quản lý, khai thác, sử dụng trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ, giao thông và quản lý đô thị gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

4. *Khu thương mại tự do* là khu chức năng có ranh giới địa lý xác định, gắn liền hoặc kết nối giao thông trực tiếp với hệ thống cảng biển quốc tế, cảng hàng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

không quốc tế, trung tâm tài chính quốc tế, cửa khẩu quốc tế quan trọng hoặc hạ tầng logistics chiến lược khác; được thành lập để áp dụng các cơ chế, chính sách vượt trội về đầu tư, tài chính, thương mại, dịch vụ chất lượng cao, logistics, thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu, hoạt động nghiên cứu và phát triển và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; có thể gồm nhiều khu chức năng.

5. *Khu logistics tích hợp* là khu chức năng có ranh giới địa lý xác định, gắn liền với các đầu mối giao thông đa phương thức; được thành lập theo mô hình hệ sinh thái, ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại để thực hiện các dịch vụ logistics kết hợp với hoạt động sản xuất, gia công hàng hóa và hoạt động thương mại số, thương mại điện tử. Khu logistics tích hợp là một khu độc lập hoặc thuộc khu thương mại tự do.

6. *Kinh tế biển* là toàn bộ các hoạt động kinh tế diễn ra trên biển hoặc có liên quan trực tiếp đến biển, bao gồm kinh tế hàng hải; logistics; công nghiệp hỗ trợ hoạt động dầu khí, dịch vụ dầu khí; khai thác tài nguyên khoáng sản biển, trừ dầu khí; năng lượng, năng lượng tái tạo; du lịch và dịch vụ biển; nuôi trồng và khai thác hải sản; công nghiệp ven biển và hoạt động kinh tế biển khác.

7. *Khu cảng mở* là khu vực có ranh giới địa lý xác định, gồm một hoặc nhiều cảng biển, được áp dụng chế độ, thủ tục hải quan và quản lý chuyên ngành đặc thù để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và hoạt động ngoại thương khác.

8. *Vùng đô thị đặc biệt* là khu vực liên kết phát triển kinh tế - xã hội gồm Thành phố và các đơn vị hành chính cấp tỉnh có địa giới hành chính liền kề với Thành phố.

9. *Phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (sau đây gọi là TOD)* là giải pháp quy hoạch, đầu tư cải tạo, chỉnh trang và phát triển đô thị, lấy điểm kết nối giao thông đường sắt làm điểm tập trung dân cư, kinh doanh dịch vụ thương mại, văn phòng và chức năng khác.

10. *Khu vực TOD* là khu vực bao gồm nhà ga đường sắt, khu tập kết bảo dưỡng, sửa chữa tàu (đề-pô) và vùng phụ cận được xác định theo quy hoạch có liên quan để xây dựng đường sắt kết hợp cải tạo, chỉnh trang đô thị, đầu tư phát triển đô thị.

11. *Cấp có thẩm quyền* là cơ quan có thẩm quyền của Đảng theo phân cấp quản lý trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, quyết định chủ trương, chính sách có liên quan đến nội dung quy định tại Luật này.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Điều 3. Nguyên tắc phân quyền và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền đối với chính quyền Thành phố

Việc phân quyền cho chính quyền Thành phố và việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền của chính quyền Thành phố quy định tại Luật này phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

1. Bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, không trái với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

2. Bảo đảm không phương hại đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại quốc gia, dân tộc, tôn giáo và lĩnh vực khác liên quan trực tiếp đến chủ quyền quốc gia;

3. Phân quyền triệt để, toàn diện và phân định rõ thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố. Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Luật này, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp của Thành phố còn thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định khác của pháp luật có liên quan. Căn cứ tình hình thực tiễn, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có quyền phân cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được giao theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp pháp luật quy định không được phân cấp;

4. Bảo đảm quyền con người, quyền cơ bản của công dân, công bằng xã hội, phát triển bền vững và giữ gìn bản sắc, giá trị văn hóa của Thành phố, vùng đô thị đặc biệt; không làm ảnh hưởng đến ổn định kinh tế vĩ mô, an toàn tài chính quốc gia; tôn trọng các quy luật thị trường;

5. Bảo đảm việc vận hành nền hành chính quốc gia thống nhất, thông suốt, hiệu quả; bảo đảm thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan, người đứng đầu gắn liền với cơ chế kiểm soát quyền lực và năng lực thực thi; tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và thực hiện có hiệu quả việc kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gắn với trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền; có cơ chế theo dõi, đánh giá, kiểm tra gắn với cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; kịp thời điều chỉnh nội dung phân quyền khi cơ quan, tổ chức, cá nhân được phân quyền thực hiện không hiệu quả nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Điều 4. Nguyên tắc phân quyền và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền đối với chính quyền địa phương ở nơi có khu kinh tế đặc biệt

1. Việc phân quyền cho chính quyền địa phương cấp tỉnh nơi có khu kinh tế đặc biệt và việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền của chính quyền địa phương cấp tỉnh nơi có khu kinh tế đặc biệt phải tuân thủ các nguyên tắc quy định tại các khoản 1, 2, 4 và 5 Điều 3 của Luật này. Việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu kinh tế đặc biệt theo Luật này chỉ áp dụng đối với khu kinh tế đặc biệt.

Căn cứ tình hình thực tiễn, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu kinh tế đặc biệt có quyền phân cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ở khu kinh tế đặc biệt thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được giao theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp pháp luật quy định không được phân cấp.

2. Việc phân quyền, phân cấp cho chính quyền địa phương cấp xã ở khu kinh tế đặc biệt (sau đây gọi là chính quyền địa phương ở khu kinh tế đặc biệt) và việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền, phân cấp của chính quyền địa phương ở khu kinh tế đặc biệt phải tuân thủ các nguyên tắc quy định tại các khoản 1, 2, 4 và 5 Điều 3 của Luật này.

Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Luật này, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân ở nơi có khu kinh tế đặc biệt còn thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Áp dụng pháp luật

1. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Phát triển đô thị và luật, nghị quyết khác của Quốc hội về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của Luật Phát triển đô thị, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này và quy định của pháp luật trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

2. Văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật này, văn bản quy phạm pháp luật được ban hành để thực hiện thẩm quyền được giao trong Luật Phát triển đô thị (sau đây gọi là văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị) được áp dụng trong trường hợp có nhiều văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương, bao gồm cả văn bản quy định cơ chế, chính sách áp dụng cho đối tượng,

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

địa phương khác, ban hành sau ngày Luật Phát triển đô thị, văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị có hiệu lực thi hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn quy định của Luật Phát triển đô thị, văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị thì việc áp dụng được thực hiện như sau:

a) Đối với Thành phố quy định tại khoản 2 Điều 1 của Luật này do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định;

b) Đối với trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 1 của Luật này do Chính phủ quyết định.

4. Việc quyết định áp dụng văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 3 Điều này không bao gồm Luật Thủ đô và văn bản thi hành Luật Thủ đô.

Chương II

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ ĐẶC BIỆT

Mục 1

TỔ CHỨC BỘ MÁY, CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ VÀ BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn về tổ chức bộ máy và chế độ công vụ

1. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định số lượng, tiêu chí xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; tỷ lệ đại biểu hoạt động chuyên trách của Hội đồng nhân dân Thành phố và Hội đồng nhân dân cấp xã; khung số lượng Phó Trưởng Ban các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố; số lượng, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố và Hội đồng nhân dân cấp xã;

b) Quy định khung số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phù hợp với đặc thù quản lý đô thị, quy mô dân số, yêu cầu cung cấp dịch vụ công và điều kiện thực tiễn của Thành phố;

c) Quy định số lượng, việc thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc phạm vi quản lý của Thành phố; quyết định thay đổi tên gọi, điều chỉnh chức năng của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc phạm vi quản lý của Thành phố;

d) Quy định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư; số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

đ) Quy định về việc tuyển dụng, vị trí việc làm công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Thành phố;

e) Quy định việc thuê, tuyển dụng và bổ nhiệm người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và người quản lý doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố;

g) Quy định chính sách về thu nhập đối với cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc, người lao động tại cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, một số hội được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý của Thành phố và người làm việc tại một số cơ quan trung ương trên địa bàn Thành phố; việc sử dụng ngân sách Thành phố và nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện chính sách này;

h) Quy định việc ký kết hợp đồng thực hiện chuyên môn trong khả năng cân đối của ngân sách Thành phố;

i) Quyết định số lượng và cơ cấu Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố; quy định số lượng và cơ cấu Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp xã;

k) Quyết định tổng số lượng biên chế không vượt quá 20% số biên chế công chức, viên chức Trung ương giao với điều kiện tự cân đối, chi trả lương từ nguồn ngân sách Thành phố, bảo đảm yêu cầu khối lượng công việc thực tế, trừ trường hợp có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định:

a) Chính sách, biện pháp tổ chức thực hiện nền hành chính số và công vụ số;

b) Cơ chế, biện pháp phát huy dân chủ ở cơ sở, huy động sự tham gia của người dân trong quản trị địa phương; cơ chế khoán việc; cơ chế, biện pháp cần thiết khác để phát huy vai trò tự quản của tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư;

c) Việc thành lập, tổ chức lại, chuyển đổi, giải thể; cơ cấu tổ chức, chế độ tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố phù hợp với đặc thù quản lý đô thị, quy mô dân số, yêu cầu cung cấp dịch vụ công và điều kiện thực tiễn của Thành phố;

d) Khung số lượng cấp phó của cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố;

đ) Việc sử dụng, quản lý công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Thành phố;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

e) Việc giao thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, trừ nội dung Ủy ban nhân dân Thành phố thảo luận tập thể và quyết định theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương.

Điều 7. Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị quy định tại khoản 2 Điều 5 của Luật này được quy định khác với văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước ở trung ương ban hành.

2. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được ban hành văn bản quy phạm pháp luật để:

a) Điều chỉnh trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức thuộc Thành phố, bảo đảm yêu cầu về cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính, không quy định thêm thành phần hồ sơ, không tăng thêm yêu cầu, điều kiện, thời gian giải quyết thủ tục đang áp dụng;

b) Quy định biện pháp đặc thù phù hợp với yêu cầu phát triển Thành phố để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội mà khác hoặc chưa có quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

3. Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không áp dụng đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

4. Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định sau đây:

a) Đánh giá sự cần thiết, tính cân đối, hợp lý của việc cần phải ban hành văn bản để quy định khác với văn bản của cơ quan nhà nước ở trung ương hoặc chưa có quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ; xác định rõ mục tiêu và dự kiến kết quả cần đạt được khi ban hành văn bản, cơ chế kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình;

b) Đánh giá sự phù hợp của văn bản với quy định tại Điều 3 hoặc Điều 4 của Luật này;

c) Đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo văn bản;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

d) Thực hiện tham vấn dự thảo văn bản với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan, tổ chức khác có liên quan, lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, truyền thông nội dung, đăng tải hồ sơ dự thảo văn bản và nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến tham vấn, góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với dự thảo văn bản;

đ) Tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về văn bản quy phạm pháp luật. Không áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn, trừ trường hợp tạm ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần của văn bản hoặc bãi bỏ văn bản.

5. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định việc xác định thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 2 Điều này và quy định chi tiết khoản 4 Điều này.

6. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định việc ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật để quyết định lựa chọn áp dụng pháp luật quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 của Luật này. Nội dung nghị quyết lựa chọn áp dụng pháp luật phải xác định rõ quy định của văn bản quy phạm pháp luật được lựa chọn áp dụng, phạm vi, đối tượng được áp dụng, thời điểm áp dụng, quy định chuyển tiếp (nếu có).

7. Chính phủ quy định việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền thành phố thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 1 của Luật này và chính quyền địa phương cấp tỉnh nơi có khu kinh tế đặc biệt, chính quyền địa phương ở khu kinh tế đặc biệt để thi hành Luật này.

Điều 8. Thí điểm cơ chế, chính sách

1. Thành phố được quyết định thí điểm cơ chế, chính sách mới, khác với luật, nghị quyết của Quốc hội hoặc đối với những vấn đề chưa được pháp luật quy định để áp dụng tại Thành phố.

Không thực hiện thí điểm cơ chế, chính sách trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại quốc gia, tôn giáo và lĩnh vực khác liên quan trực tiếp đến chủ quyền quốc gia theo quy định của pháp luật.

2. Việc thí điểm cơ chế, chính sách phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

a) Phù hợp với Hiến pháp, không trái với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Không hạn chế quyền con người, quyền cơ bản của công dân, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; bảo đảm môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh; bảo đảm công khai, minh bạch;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

c) Không phương hại đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại quốc gia; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội;

d) Không gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của cộng đồng, đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục; không làm ảnh hưởng đến chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc và chính sách tôn giáo của Nhà nước;

đ) Thời gian thí điểm không quá 05 năm và có thể được gia hạn không quá 05 năm.

3. Phạm vi thí điểm cơ chế, chính sách bao gồm:

a) Mô hình mới về tổ chức bộ máy các cấp chính quyền của Thành phố, mô hình quản trị, kiến tạo tiên tiến, hiện đại; chế độ công vụ, công chức;

b) Mô hình kinh tế mới dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể thao, du lịch, y tế và chăm sóc sức khỏe;

c) Mô hình nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp đô thị, nông nghiệp giảm phát thải khí nhà kính;

d) Mô hình quản lý đô thị, nông thôn, không gian và phát triển bền vững;

đ) Phương thức khai thác, huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực để phát triển và quản trị Thành phố;

e) Giải pháp xử lý các vấn đề ảnh hưởng nghiêm trọng, trực tiếp đến chất lượng sống của người dân hoặc sự phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố;

g) Cơ chế, chính sách khác theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

4. Trên cơ sở chấp thuận của cấp có thẩm quyền, Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành nghị quyết thí điểm cơ chế, chính sách, trong đó xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian, không gian, địa bàn thí điểm; dự kiến kết quả, tác động của thí điểm; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; biện pháp quản trị rủi ro; cơ chế kiểm soát, giám sát, đánh giá; điều kiện, trình tự điều chỉnh, gia hạn hoặc kết thúc việc thí điểm.

5. Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm:

a) Trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành nghị quyết thí điểm cơ chế, chính sách.

Trường hợp đề xuất thí điểm cơ chế, chính sách có tác động đến vùng đô thị đặc biệt, Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm đánh giá tác động kinh tế -

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

xã hội vùng, quốc gia, lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các địa phương có liên quan trước khi trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định;

b) Tổ chức thực hiện nghị quyết thí điểm cơ chế, chính sách; bảo đảm sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

c) Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện; tạm dừng việc thí điểm và báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định trong trường hợp việc thí điểm có ảnh hưởng tiêu cực vượt quá mức độ đã được dự báo;

d) Báo cáo đánh giá định kỳ hằng năm hoặc theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân Thành phố và cơ quan có thẩm quyền về tình hình, kết quả thực hiện thí điểm;

đ) Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện thí điểm, xác định mức độ hoàn thành mục tiêu, hiệu quả, tác động đối với phát triển Thành phố và vùng đô thị đặc biệt; đề nghị Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định việc điều chỉnh, gia hạn hoặc kết thúc việc thí điểm;

e) Trình hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện chính thức.

6. Việc xây dựng, ban hành nghị quyết thí điểm cơ chế, chính sách thực hiện theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 7 của Luật này.

Điều 9. Xã hội hóa hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính

1. Việc xã hội hóa hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

a) Bảo đảm hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước; không làm thay đổi thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong giải quyết thủ tục hành chính; không chuyển giao thẩm quyền quản lý nhà nước cho cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước; không tăng biên chế của bộ máy hành chính;

b) Bảo đảm quyền lựa chọn của tổ chức, cá nhân trong thực hiện thủ tục hành chính;

c) Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, có kiểm soát; an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

d) Tiết kiệm thời gian cho tổ chức, cá nhân; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Cơ chế xã hội hóa có kiểm soát đối với hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính để nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công phù hợp với đặc thù quản lý đô thị, quy mô dân số, yêu cầu cung cấp dịch vụ công và điều kiện thực tiễn của Thành phố;

b) Khung giá dịch vụ hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính; chính sách ưu đãi, hỗ trợ và nguồn lực khác bảo đảm thực hiện cơ chế xã hội hóa quy định tại điểm a khoản này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện cơ chế xã hội hóa theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố; tổ chức kiểm tra, đánh giá hiệu quả thực hiện và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

Mục 2

QUY HOẠCH, XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ TRẬT TỰ AN TOÀN ĐÔ THỊ

Điều 10. Quy hoạch của Thành phố

1. Quy hoạch tổng thể Thành phố:

a) Trên địa bàn Thành phố chỉ lập một Quy hoạch tổng thể Thành phố trên cơ sở cụ thể hóa quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và tích hợp, lồng ghép, thay thế Quy hoạch Thành phố, Quy hoạch chung Thành phố. Quy hoạch tổng thể Thành phố có giá trị pháp lý như quy hoạch tỉnh và quy hoạch chung thành phố theo quy định của pháp luật;

b) Quy hoạch tổng thể Thành phố chỉ được điều chỉnh trong trường hợp quy hoạch cấp cao hơn thay đổi mà ảnh hưởng trực tiếp đến Quy hoạch tổng thể Thành phố hoặc phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng đặc biệt quan trọng, yêu cầu về quốc phòng, an ninh hoặc khi có biến động lớn về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội hoặc để thực hiện yêu cầu của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố, trừ trường hợp điều chỉnh cục bộ.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Nội dung, thành phần hồ sơ, định mức chi phí, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thành phố, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố, công bố, cung cấp thông tin, thực hiện, đánh giá Quy hoạch tổng thể Thành phố; việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố, bao gồm trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 45 của Luật này (nếu có).

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Quy hoạch tổng thể Thành phố, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố phải lấy ý kiến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liền kề, cộng đồng dân cư, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trước khi phê duyệt;

b) Loại quy hoạch, hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn, hoạt động kiến trúc.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố sau khi được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua.

Điều 11. Quản lý, phát triển, khai thác, sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao

1. Việc quản lý, phát triển, khai thác, sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

a) Bảo đảm phù hợp với điều kiện tự nhiên, khí tượng, địa chất, địa mạo, thủy văn; bảo đảm an toàn trong quá trình sử dụng và sau khi kết thúc sử dụng;

b) Phù hợp với Quy hoạch tổng thể Thành phố;

c) Bảo đảm quốc phòng, an ninh; ưu tiên các công trình có tính lưỡng dụng, có khả năng sẵn sàng chuyển sang phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh; bảo tồn không gian văn hóa và cảnh quan môi trường, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

d) Bảo đảm kết nối đồng bộ giữa các công trình;

đ) Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư các dự án khai thác, sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao.

2. Không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao phải được quy hoạch, phân vùng chức năng để quản lý, phát triển, khai thác, sử dụng.

3. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Việc lập, thẩm định, phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao.

Việc phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch được thực hiện sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, lấy ý kiến Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính và tham vấn ý kiến của cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Mức giới hạn độ sâu trong lòng đất mà người sử dụng đất được sử dụng phù hợp với quy hoạch và không phải trả tiền sử dụng không gian ngầm;

c) Việc sử dụng lòng đất ngoài giới hạn độ sâu quy định tại điểm b khoản này; việc nộp tiền, miễn, giảm tiền sử dụng không gian ngầm;

d) Việc sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao khi chưa có quy hoạch không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao nhưng phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất;

đ) Chính sách bồi thường, hỗ trợ đối với tổ chức, cá nhân có quyền, lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng khi khai thác, sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao vì lợi ích công cộng;

e) Chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích đầu tư, phát triển, khai thác công trình ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao;

g) Các khoản thu từ việc khai thác, sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao.

4. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định biện pháp quản lý, khai thác, sử dụng không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao; quản lý hạ tầng, công nghệ, phương tiện hoạt động trong không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao.

Điều 12. Quản lý đô thị và nhà ở

1. Việc đầu tư xây dựng, cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị và phát triển nhà ở trên địa bàn Thành phố phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

a) Xây dựng các khu đô thị, khu nhà ở theo hướng hiện đại, thuận tiện, đồng bộ với việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội;

b) Phù hợp với quy hoạch, quy chế quản lý kiến trúc hoặc thiết kế đô thị; bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng, phòng cháy, chữa cháy;

c) Bảo vệ các di sản văn hóa, lịch sử, thiên nhiên, kiến trúc, cảnh quan; bảo vệ, phát triển không gian xanh, không gian mặt nước;

d) Bảo đảm hài hòa lợi ích người dân, Nhà nước, doanh nghiệp; ưu tiên bố trí tái định cư tại chỗ; nâng cao tiện ích đô thị, cải thiện môi trường sống, sinh kế cho dân cư ở khu vực cải tạo, chỉnh trang;

đ) Ưu tiên, hỗ trợ tổ chức, cộng đồng dân cư tự đề xuất, tự thực hiện dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Chính sách, biện pháp, tiêu chí, điều kiện thực hiện dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị trên địa bàn Thành phố;

b) Chính sách, cơ chế ưu đãi về đầu tư, xây dựng, quản lý, bảo trì, khai thác để hỗ trợ phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công vụ, nhà ở phục vụ tái định cư, nhà lưu trú, nhà ở cho thuê và loại hình nhà ở khác;

c) Cơ chế, chính sách, biện pháp về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư trên địa bàn Thành phố.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định trình tự, thủ tục đầu tư, xây dựng, phát triển nhà ở, trừ nhà ở thương mại;

b) Quy định về việc người bị thu hồi nhà ở, đất ở được bố trí tái định cư bằng nhà ở xã hội sau khi thanh toán đủ tiền mua nhà ở theo quy định thì được công nhận quyền sở hữu đầy đủ đối với nhà ở đó như nhà ở thương mại;

c) Quy định thẩm quyền, nội dung kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy trong lĩnh vực xây dựng phù hợp với tình hình thực tiễn của Thành phố;

d) Quyết định việc chuyển đổi giữa các loại hình nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, nhà ở phục vụ tái định cư để sử dụng linh hoạt, đáp ứng nhu cầu thực tế của người dân; việc chuyển đổi công năng sử dụng giữa các loại hình nhà là tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, sử dụng;

đ) Quyết định chỉ định chủ đầu tư thực hiện dự án nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê, nhà lưu trú đối với các quỹ đất do Nhà nước quản lý hoặc các loại đất khác trong trường hợp các quỹ đất này phù hợp với quy hoạch đô thị và nông thôn hoặc được cơ quan có thẩm quyền về quy hoạch xác định phù hợp để xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê, nhà lưu trú, không xem xét việc đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai; việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất căn cứ vào quyết định chỉ định chủ đầu tư đối với dự án nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê, nhà lưu trú.

Điều 13. Phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Chính sách phát triển đô thị trong khu vực TOD, bao gồm việc sử dụng ngân sách Thành phố để triển khai dự án đầu tư công độc lập nhằm thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thu hồi đất, chỉnh trang, phát triển đô thị, thực

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

hiện tái định cư, tạo quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện các dự án đầu tư phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ theo quy định của pháp luật hoặc thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án đường sắt áp dụng loại hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

b) Chỉ tiêu sử dụng đất, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch, yêu cầu về tổ chức không gian trong khu vực TOD khác hoặc chưa có quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch đô thị và nông thôn trên cơ sở khai thác đồng bộ không gian ngầm, không gian tầm thấp, không làm quá tải hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và bảo đảm kết nối hạ tầng của khu vực; ưu tiên mặt đất cho không gian công cộng, cây xanh và chất lượng sống đô thị;

c) Việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh phương án tuyến công trình, vị trí công trình trên tuyến đường sắt địa phương, quy hoạch khu vực TOD;

d) Việc chuyển nhượng chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch trong khu vực TOD;

đ) Phương pháp xác định các khoản thu, mức thu, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện việc thu các khoản thu trong khu vực TOD đối với diện tích sàn xây dựng tăng thêm của dự án xây dựng công trình dân dụng do việc tăng chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch hoặc chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, khoản thu từ việc khai thác giá trị tăng thêm từ đất, phí cải thiện hạ tầng, khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương, phí kết nối giao thông công cộng, khoản thu khác để phát triển hệ thống đường sắt địa phương và việc kết nối đồng bộ hạ tầng giao thông trong khu vực TOD.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định việc tổ chức quản lý, khai thác hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trong khu vực TOD.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh phương án tuyến công trình, vị trí công trình trên tuyến đường sắt địa phương, quy hoạch khu vực TOD;

b) Quyết định việc đầu tư xây dựng nhà ở, công trình thương mại dịch vụ, công trình sự nghiệp, công trình công cộng; quyết định cụ thể chỉ tiêu sử dụng đất, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch trong khu vực TOD theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố tại điểm b khoản 1 Điều này.

4. Nhà ở, công trình thương mại dịch vụ, công trình sự nghiệp, công trình công cộng tại khu vực nhà ga đường sắt, khu tập kết bảo dưỡng, sửa chữa tàu (đề-pô)

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

được bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê mua, cho thuê lại theo quy định của pháp luật trong thời hạn hoạt động của dự án.

Điều 14. Phát triển hạ tầng giao thông, vận tải, logistics và bảo vệ môi trường

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chính sách, biện pháp về:

a) Đầu tư, huy động các nguồn lực để xây dựng, phát triển, khai thác, bảo trì đồng bộ hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông bao gồm hạ tầng giao thông liên kết, phát triển vùng, logistics, công trình ngầm công cộng; áp dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành hệ thống giao thông, vận tải, logistics;

b) Phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng, bến xe, bãi đỗ xe đa chức năng;

c) Phát triển hạ tầng cảng biển, đường thủy nội địa, vận tải đường thủy;

d) Phát triển hạ tầng giao thông sử dụng năng lượng sạch, giao thông phi cơ giới; hỗ trợ chuyển đổi phương tiện giao thông từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch và tiêu chí, trình tự, thủ tục thực hiện; việc hạn chế sử dụng phương tiện giao thông phát thải gây ô nhiễm môi trường;

đ) Giảm phát thải nhựa trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và sinh hoạt trên địa bàn Thành phố; hoạt động xử lý, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và tiêu dùng liên quan đến tái chế rác thải sử dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất, quản lý chất thải rắn theo chuỗi phát sinh - thu gom - vận chuyển - xử lý;

e) Ưu đãi, hỗ trợ hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Thành phố áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong lĩnh vực giao thông vận tải, công nghiệp môi trường và dịch vụ môi trường;

g) Hạn chế phương tiện giao thông cá nhân vào khu vực trung tâm Thành phố để giảm ùn tắc giao thông, giảm phát thải; áp dụng phí giảm ùn tắc giao thông;

h) Di dời cơ sở sản xuất trong khu dân cư, cơ sở sản xuất thuộc ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề ở nông thôn; cảng, bến, kho bãi và cơ sở sản xuất, kinh doanh không còn phù hợp quy hoạch phát triển đô thị, môi trường và cảnh quan của Thành phố;

i) Lộ trình chuyển đổi, phát triển giao thông xanh, phạm vi vùng phát thải thấp để hạn chế phương tiện giao thông nhằm cải thiện chất lượng không khí; biện pháp được áp dụng trong vùng phát thải thấp theo lộ trình phù hợp;

k) Tiêu chí khu, cụm công nghiệp sinh thái trên địa bàn Thành phố và lộ trình, cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi khu, cụm công nghiệp đang hoạt động thành khu, cụm công nghiệp sinh thái.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định quản lý, khai thác, sử dụng công trình đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt địa phương, cảng, bến thuộc phạm vi quản lý của Thành phố vào mục đích khác ngoài mục đích giao thông, phù hợp với yêu cầu bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và mỹ quan đô thị;

b) Quy định điều kiện hoạt động, yêu cầu kỹ thuật, tổ chức quản lý và cơ chế giá đối với phương thức giao thông, mô hình vận tải hành khách mới chưa có trong quy định của pháp luật;

c) Quyết định xây dựng công trình tạm mà không dựa trên quy hoạch bao gồm bến bãi, nhà để xe thông minh, nhà vệ sinh, trạm sạc điện, bến thủy nội địa, công trình tạm khác tại khu đất công do Nhà nước quản lý, đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ, đất công viên, hành lang bảo vệ sông, kênh, rạch và khu vực khác phù hợp với yêu cầu bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, trật tự đô thị, mỹ quan đô thị, lưu thông dòng chảy, không gây sạt lở bờ sông;

d) Quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng hàng hải (không bao gồm luồng hàng hải và các hoạt động hàng hải trong vùng nước cảng biển) trong phạm vi địa giới hành chính Thành phố;

đ) Phân loại, điều chỉnh phân loại đoạn tuyến đường quốc lộ, đoạn tuyến đường thủy nội địa đã được điều chuyển, giao cho Thành phố quản lý;

e) Kiểm soát hoạt động của các phương tiện giao thông dựa trên mức độ gây ùn tắc giao thông, khả năng đáp ứng của hạ tầng giao thông hiện hữu, gắn với yêu cầu quản lý trật tự đô thị, chuyển đổi xanh và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông;

g) Ban hành giá vé các phương thức vận tải hành khách công cộng, giá vé dùng chung liên thông đa phương thức.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quyết định theo hình thức đặt hàng để xử lý khối lượng chất thải rắn sinh hoạt bổ sung cho nhà đầu tư đang thực hiện dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt trong trường hợp tự nguyện chuyển đổi công nghệ của dự án sang công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt có thu hồi năng lượng;

b) Quyết định lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vận tải hành khách công cộng thông qua hình thức đặt hàng hoặc đấu thầu hoặc giao nhiệm vụ; chủ động xác định thời gian thực hiện cung ứng dịch vụ để bảo đảm tính liên tục và phù hợp với điều kiện thực tiễn của Thành phố;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

c) Quy định việc thu và tổ chức thu đối với giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của chủ nguồn thải, hộ gia đình, cá nhân.

Điều 15. Đầu tư xây dựng công trình

1. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quyết định việc thẩm định, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý của Thành phố;

b) Quy định công trình được miễn giấy phép xây dựng;

c) Quy định tỷ lệ, lộ trình sử dụng vật liệu xây dựng mới, vật liệu tái chế, vật liệu xanh, vật liệu nhẹ, vật liệu thông minh, vật liệu thân thiện môi trường, vật liệu phù hợp vùng ven biển, hải đảo được ưu tiên áp dụng phù hợp với tính chất công trình, điều kiện thực tiễn của Thành phố; quyết định việc ưu tiên giải pháp thiết kế hạn chế sử dụng vật liệu truyền thống, giảm phát thải, tiết kiệm tài nguyên.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định:

a) Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư công, dự án PPP là dự án lớn, quan trọng quy định tại điểm a và điểm c khoản 2 Điều 2 của Luật này mà không phải thực hiện thủ tục lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và các thủ tục khác có liên quan đến quyết định chủ trương đầu tư;

b) Việc chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư được tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng triển khai sau khi dự án đầu tư công, dự án PPP là dự án lớn, quan trọng được quyết định đầu tư hoặc quyết định phê duyệt; việc phân chia dự án thành phần, tiểu dự án không phụ thuộc vào yêu cầu vận hành độc lập của dự án đầu tư công, dự án PPP; việc triển khai đồng thời các bước chuẩn bị, khảo sát, thiết kế và thực hiện dự án;

c) Việc miễn thủ tục cấp giấy phép hoạt động xây dựng trên địa bàn Thành phố đối với nhà thầu nước ngoài thực hiện dự án lớn, quan trọng.

3. Dự án đầu tư công vượt mức vốn đầu tư công không quá 10% từ ngân sách địa phương hoặc dự án PPP tăng giá trị vốn nhà nước không quá 10% từ ngân sách địa phương so với nội dung tại chủ trương đầu tư đã được cơ quan, người có thẩm quyền của Thành phố phê duyệt thì không phải thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư.

Điều 16. Bảo đảm trật tự, an toàn trên địa bàn Thành phố

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

a) Chức danh, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính khác với quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; thẩm quyền áp dụng mức tiền phạt vi phạm hành chính tương ứng quy định tại điểm b khoản này;

b) Mức tiền phạt vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố cao hơn nhưng không quá 02 lần mức tiền phạt chung và thẩm quyền phạt tiền tương ứng do Chính phủ quy định đối với hành vi vi phạm hành chính tương ứng trong các lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; bảo vệ môi trường; văn hóa; quảng cáo; đất đai; xây dựng, nhà ở; giao thông đường bộ; giao thông đường sắt; giao thông đường thủy nội địa; hoạt động đường bộ; an toàn thực phẩm; phòng, chống dịch bệnh động vật; chăn nuôi, thú y trên địa bàn Thành phố.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định việc ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước đối với công trình, cơ sở sản xuất, kinh doanh để bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố trong trường hợp sau đây:

a) Công trình xây dựng sai quy hoạch, công trình xây dựng không có giấy phép xây dựng đối với trường hợp theo quy định phải có giấy phép hoặc xây dựng sai với nội dung trong giấy phép xây dựng; công trình xây dựng sai với thiết kế xây dựng được phê duyệt đối với trường hợp được miễn giấy phép xây dựng;

b) Công trình xây dựng trên đất bị lấn, chiếm theo quy định của pháp luật về đất đai;

c) Công trình xây dựng thuộc diện phải thẩm duyệt hoặc thẩm định thiết kế về phòng cháy, chữa cháy nhưng được tổ chức thi công khi chưa có giấy chứng nhận hoặc văn bản thẩm duyệt hoặc văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan quản lý chuyên ngành;

d) Công trình thi công không đúng theo thiết kế về phòng cháy, chữa cháy đã được thẩm duyệt hoặc thẩm định;

đ) Cơ sở kinh doanh dịch vụ vũ trường, kinh doanh dịch vụ ka-ra-ô-kê (karaoke) không bảo đảm điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy;

e) Cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình xây dựng vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường mà không thực hiện yêu cầu về việc dừng hành vi vi phạm, quyết định của cơ quan có thẩm quyền về đình chỉ hoạt động hoặc biện pháp khắc phục hậu quả;

g) Công trình thuộc trường hợp phải phá dỡ và đã có quyết định di dời khẩn cấp của cơ quan có thẩm quyền.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

3. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định biện pháp đặc thù khác về bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, biện pháp hành chính cấp bách phù hợp với yêu cầu bảo vệ Thành phố, bảo đảm hiệu lực quản lý đô thị, hài hòa giữa yêu cầu giữ vững an ninh, trật tự xã hội với bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định áp dụng biện pháp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Người cung cấp dịch vụ điện, nước có trách nhiệm ngừng cung cấp dịch vụ ngay khi có yêu cầu của người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này bảo đảm đúng phạm vi, đối tượng, thời hạn. Quyền ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước của người cung cấp dịch vụ điện, nước trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này phải được thông báo cho người sử dụng dịch vụ và thể hiện trong hợp đồng sử dụng dịch vụ điện, nước.

Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng để thực hiện quy định tại khoản này không phải thực hiện đăng ký lại theo quy định của pháp luật về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

Mục 3

PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Điều 17. Phát triển doanh nghiệp nhà nước và quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở tổ chức lại Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân Thành phố là cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện huy động vốn, cho vay, ủy thác, nhận ủy thác, đầu tư dự án và sử dụng khoản lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật về quỹ đầu tư phát triển địa phương; đối với hình thức đầu tư khác và hoạt động khác thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định tiêu chí, danh mục, tỷ lệ vốn nhà nước tại doanh nghiệp làm căn cứ thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước; chủ trương đầu tư vốn nhà nước để bổ sung vốn tại doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân Thành phố là cơ quan đại diện chủ sở hữu.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc thuê đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện công tác giám sát của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp đối với doanh

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; chi phí thuê đơn vị kiểm toán độc lập do doanh nghiệp chi trả.

4. Thành lập, tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp đường sắt địa phương:

a) Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập doanh nghiệp đường sắt địa phương do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ sau khi được Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương;

b) Doanh nghiệp đường sắt địa phương do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được khai thác thương mại đối với tài sản, không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao gắn liền với kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương tại các nhà ga đường sắt, khu tập kết bảo dưỡng, sửa chữa tàu (đề-pô) và thực hiện hoạt động khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố;

c) Doanh nghiệp đường sắt địa phương do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố và quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 18. Phát triển kinh tế biển

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đặc thù, vượt trội để phát triển hạ tầng và các ngành, lĩnh vực kinh tế biển mới, trọng điểm, có tính chất lan tỏa;

b) Danh mục ngành, lĩnh vực phát triển kinh tế biển được hưởng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ quy định tại Điều 39 của Luật này;

c) Tổ chức, hoạt động của khu cảng mở.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc tổ chức lựa chọn nhà đầu tư chiến lược đối với các dự án thuộc lĩnh vực kinh tế biển theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố và pháp luật có liên quan, trừ các dự án cảng biển theo quy định của pháp luật mà Thành phố phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước khi quyết định lựa chọn nhà đầu tư chiến lược.

Điều 19. Cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển khu đô thị lấn biển

1. Việc đầu tư, xây dựng và phát triển khu đô thị lấn biển được hình thành thông qua hoạt động lấn biển phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

a) Phù hợp với Quy hoạch tổng thể Thành phố, quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch chung thành phố, quy hoạch khác có liên quan; bảo đảm đồng bộ với hệ thống đô thị và kết cấu hạ tầng của khu vực;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Hoạt động đầu tư, xây dựng khu đô thị lấn biển phải bảo đảm quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không làm cản trở giao thông, hoạt động hàng hải, khai thác, sử dụng hợp pháp tài nguyên biển và các hoạt động kinh tế - xã hội hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

c) Việc đầu tư, xây dựng, phát triển dự án khu đô thị lấn biển phải được thực hiện trên cơ sở đánh giá đầy đủ về điều kiện tự nhiên, địa chất, địa mạo, thủy văn, hải văn, dòng chảy, chế độ sóng, bùn cát, hệ sinh thái và đa dạng sinh học; đánh giá tác động của dự án đến khu vực ven biển và các khu vực lân cận, bảo đảm khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, thiên tai và tác động khác của môi trường trong suốt vòng đời của dự án;

d) Khu đô thị lấn biển phải được quy hoạch, đầu tư, xây dựng hiện đại, xanh, thông minh theo hướng sử dụng hiệu quả tài nguyên biển và đất đai, tiết kiệm năng lượng, bảo đảm khả năng chống chịu và an toàn của hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; đồng thời bảo đảm kết nối với hệ thống giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải và hệ thống hạ tầng thiết yếu khác trên đất liền;

đ) Bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, nhà đầu tư, cộng đồng và chủ thể khác có liên quan; bảo đảm không gian công cộng, công trình hạ tầng công cộng và quyền tiếp cận biển của người dân theo quy định của pháp luật;

e) Việc đầu tư, xây dựng và đưa khu đô thị lấn biển vào khai thác, sử dụng phải được thực hiện theo từng giai đoạn phù hợp với quy mô, khả năng đáp ứng của hạ tầng và yêu cầu bảo đảm an toàn công trình, bảo vệ môi trường. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng công trình lấn biển và các công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu vực dự án, khu đô thị lấn biển; thực hiện đầy đủ biện pháp bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và khắc phục các tác động bất lợi phát sinh theo quy định của pháp luật;

g) Tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan trong trường hợp Luật này không có quy định.

2. Chính phủ quy định tiêu chí đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị lấn biển để thu hút nhà đầu tư chiến lược, điều kiện xác định nhà đầu tư chiến lược để được hưởng cơ chế, chính sách quy định tại Luật này.

3. Nhà đầu tư chiến lược thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị lấn biển là nhà đầu tư được lựa chọn để thực hiện dự án theo quy định tại khoản 5 hoặc khoản 6 Điều 36 của Luật này và được hưởng ưu đãi, hỗ trợ sau đây:

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

a) Quy định tại các điểm b, c và d khoản 7 Điều 36 của Luật này;

b) Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư xây dựng khu đô thị lấn biển không quá 70 năm.

4. Nhà đầu tư chiến lược có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện quy định tại các điểm a, b và d khoản 8 Điều 36 của Luật này;

b) Không được chuyển nhượng toàn bộ dự án khi chưa hoàn thành dự án. Dự án có thể được chuyển nhượng một phần nhưng phải đáp ứng nguyên tắc và điều kiện chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về kinh doanh bất động sản và phần dự án được chuyển nhượng không vượt quá 50% phần diện tích đất lấn biển đã hoàn thành đầy đủ hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung.

5. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, Ủy ban nhân dân Thành phố, nhà đầu tư thực hiện quy định tại các khoản 9, 10 và 11 Điều 36 của Luật này.

6. Việc khai thác khoáng sản phục vụ cho dự án đầu tư xây dựng khu đô thị lấn biển thuộc dự án thu hút nhà đầu tư chiến lược được thực hiện như sau:

a) Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị lấn biển được áp dụng cơ chế, chính sách khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản như đối với công trình, dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia; việc khai thác cát biển phục vụ dự án đầu tư xây dựng khu đô thị lấn biển phải thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giao khu vực biển để thực hiện khai thác khoáng sản phục vụ cho dự án đầu tư xây dựng khu đô thị lấn biển đối với các mỏ khoáng sản có phạm vi khai thác nằm trong ranh giới quản lý hành chính của địa phương và trong vùng lãnh hải sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao và lấy ý kiến Bộ quản lý chuyên ngành về khoáng sản.

Việc giao khu vực biển được thực hiện theo nguyên tắc và căn cứ theo quy định của pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

7. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch tại khu đô thị lấn biển khi chưa có quy định hoặc có mức yêu cầu cao hơn so với quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch đô thị và nông thôn nhưng phải bảo đảm đáp ứng về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hệ thống công trình hạ tầng xã hội.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

8. Việc quản lý, sử dụng khu vực biển, giao đất, cho thuê đất, xác định giá đất, nghĩa vụ tài chính về đất đai, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất tại khu đô thị lấn biển thực hiện theo quy định của Luật Đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 20. Phát triển các ngành dịch vụ, thương mại

Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

1. Phạm vi, danh mục, cơ chế, chính sách ưu tiên, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với ngành, lĩnh vực, mô hình dịch vụ, hình thức tổ chức không gian dịch vụ tại Thành phố;

2. Phạm vi, cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với mô hình Outlet gắn với dịch vụ tổng hợp; hệ thống cửa hàng miễn thuế, cửa hàng hoàn thuế giá trị gia tăng và các mô hình thương mại, dịch vụ tích hợp khác tại Thành phố;

3. Trình tự, thủ tục áp dụng cơ chế, chính sách quy định tại Điều này.

Điều 21. Phát triển khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Trình tự, thủ tục thành lập và điều chỉnh ranh giới, diện tích, nội dung khác có liên quan đến tổ chức, hoạt động của khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp;

b) Cơ chế, chính sách về quản lý, tổ chức, hoạt động, ưu đãi đầu tư, tạo thuận lợi thương mại, cải thiện môi trường kinh doanh và chính sách đặc thù khác phát sinh trong quá trình hoạt động của khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc giao nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp cho các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định:

a) Thành lập, điều chỉnh tên gọi, ranh giới, diện tích, mục tiêu, chức năng, nội dung khác có liên quan đến tổ chức, hoạt động của khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp.

Quyết định thành lập, điều chỉnh ranh giới, diện tích, chức năng khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp được coi là quyết định điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố, quy hoạch khác có liên quan;

b) Thành lập khu phi thuế quan trong khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

c) Giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với dự án đầu tư trong khu thương mại tự do theo quy định tại điểm l khoản 1 Điều 36 của Luật này, trừ các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại.

4. Người đứng đầu Hải quan khu vực quản lý khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp có thẩm quyền:

a) Quyết định công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ việc áp dụng chế độ ưu tiên cho doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp;

b) Quyết định thành lập, tạm dừng và chấm dứt hoạt động kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ, địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp;

c) Thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật về hải quan.

5. Hoạt động đầu tư, kinh doanh trong khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp:

a) Nhà đầu tư nước ngoài tại khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp được thực hiện hoạt động kinh doanh chuyển khẩu hàng hóa; kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép kinh doanh chuyển khẩu được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương;

b) Doanh nghiệp có trụ sở chính và có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong khu thương mại tự do được niêm yết, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng bằng ngoại tệ; thanh toán, nhận thanh toán bằng ngoại tệ chuyển khoản đối với giao dịch cung cấp hàng hóa, dịch vụ với đối tác trong khu thương mại tự do;

c) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài được mở phòng giao dịch trong khu thương mại tự do ngoài trụ sở chi nhánh theo điều kiện, hồ sơ, thủ tục và nội dung hoạt động do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

6. Đối với các khu chức năng thuộc khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp đáp ứng điều kiện khu phi thuế quan theo quy định của pháp luật thì hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi giữa các khu chức năng, giữa nước ngoài với các khu chức năng, giữa các khu chức năng với khu phi thuế quan hoặc với các khu chức năng thuộc khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp khác đáp ứng điều kiện khu phi thuế quan được áp dụng chính sách thuế như khu phi thuế quan theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật Thuế giá trị gia tăng.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Quan hệ mua bán, trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa các khu chức năng trong khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp đáp ứng điều kiện khu phi thuế quan với khu vực bên ngoài, trừ các khu chức năng đáp ứng điều kiện khu phi thuế quan tại các khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp khác là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật về hải quan, thuế và quản lý ngoại thương.

7. Trường hợp khu logistics tích hợp thuộc khu thương mại tự do thì được áp dụng cơ chế, chính sách của cả khu logistics tích hợp và khu thương mại tự do.

8. Doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp được hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan và thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đưa vào, đưa ra khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp khi đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế, trừ điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu và quy định về thời hạn (nếu có) để được áp dụng chế độ ưu tiên và thực hiện thủ tục hải quan tại đơn vị hải quan quản lý khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp.

9. Nhà đầu tư nước ngoài thành lập tổ chức kinh tế trong khu thương mại tự do không phải thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước khi thành lập tổ chức kinh tế và không cần phải có dự án đầu tư.

10. Thời gian hoạt động của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu chức năng thuộc khu thương mại tự do, dự án của nhà đầu tư thuê lại đất tại khu thương mại tự do được áp dụng như dự án đầu tư trong khu kinh tế theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Điều 22. Phát triển khu phi thuế quan

1. Không áp dụng biện pháp quản lý ngoại thương, trừ biện pháp cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, biện pháp kiểm dịch đối với hàng hóa đưa từ nước ngoài vào khu phi thuế quan. Quy định này không áp dụng trong trường hợp Bộ quản lý chuyên ngành có cảnh báo về an toàn thực phẩm gây nguy hại cho sức khỏe, tính mạng con người, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, nguy hại cho kinh tế, định hướng bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia hoặc cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo dừng áp dụng chế độ miễn kiểm tra chuyên ngành.

Không áp dụng biện pháp quản lý ngoại thương đối với hàng hóa mua bán, vận chuyển giữa các doanh nghiệp trong cùng một khu phi thuế quan hoặc giữa các khu phi thuế quan.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Quan hệ trao đổi hàng hóa giữa khu phi thuế quan này với khu phi thuế quan khác, giữa khu phi thuế quan với nước ngoài là hoạt động vận chuyển hàng hóa chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan. Cơ quan hải quan áp dụng biện pháp kiểm tra, giám sát theo hướng đơn giản hóa thủ tục thông báo, kê khai đối với các hoạt động này.

3. Quan hệ trao đổi hàng hóa giữa khu phi thuế quan với nội địa là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu. Doanh nghiệp trong khu phi thuế quan được thực hiện thủ tục khai tờ khai đơn giản khi có hoạt động trao đổi hàng hóa với nội địa.

4. Hàng hóa đưa ra ngoài khu phi thuế quan để thực hiện dịch vụ đặc thù có thời hạn, sau đó đưa trở lại vào khu phi thuế quan mà không làm thay đổi bản chất, tên gọi, mã số hàng hóa thì không phải thực hiện thủ tục hải quan. Cơ quan hải quan áp dụng biện pháp quản lý giám sát theo hướng đơn giản hóa dựa trên kê khai vào ra khu phi thuế quan đối với các hàng hóa này. Thời hạn đưa ra, đưa vào khu phi thuế quan không quá 30 ngày.

5. Máy móc, thiết bị đã qua sử dụng trong khu phi thuế quan được nhập khẩu vào nội địa trong trường hợp máy móc, thiết bị đó chưa qua sử dụng tại thời điểm đưa vào khu phi thuế quan.

Điều 23. Phát triển khu chức năng mới, loại hình kinh tế mới

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Điều kiện, tiêu chí xác định, mục tiêu, chức năng của khu chức năng mới, loại hình kinh tế mới;

b) Trình tự, thủ tục thành lập, chấm dứt hoạt động; điều chỉnh tên gọi, ranh giới, diện tích, nội dung khác có liên quan đến tổ chức, hoạt động của khu chức năng mới;

c) Cơ chế, chính sách về quản lý, tổ chức, hoạt động, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư từ nguồn lực của Thành phố, tạo thuận lợi thương mại, cải thiện môi trường kinh doanh và chính sách khác phát sinh trong quá trình hoạt động của khu chức năng mới, loại hình kinh tế mới;

d) Cơ chế, chính sách chuyển đổi các khu chế xuất, khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố thành khu chức năng mới hoặc loại hình kinh tế mới;

đ) Cơ chế, chính sách phát triển kinh tế đô thị, kinh tế số, kinh tế sáng tạo, kinh tế dữ liệu, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tầm thấp, kinh tế bạc, loại hình kinh tế mới khác.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định:

a) Việc thành lập, tổ chức, hoạt động của khu chức năng mới;

b) Biện pháp triển khai loại hình kinh tế mới;

c) Biện pháp quản lý, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội và các vấn đề phát sinh khác để phát triển khu chức năng mới, loại hình kinh tế mới.

Điều 24. Cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam

1. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định việc phát hành trái phiếu đô thị, trái phiếu công trình tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam để huy động vốn nhằm triển khai các dự án trọng điểm của Thành phố;

b) Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục cấp phép thành lập ngân hàng có hoạt động ngân hàng đầu tư tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam, phát hành sản phẩm tài chính quốc tế thông qua Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

c) Quy định cơ chế kết nối, tài trợ, hỗ trợ chuỗi giá trị giữa Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam với khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp, khu cảng mở, khu đô thị khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, khu chức năng khác, TOD;

d) Quyết định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và thu nhập khác đối với cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động tại Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Cơ quan điều hành tại Thành phố);

đ) Quy định cơ chế, chính sách khác phù hợp với quy định tại Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan để bảo đảm xây dựng, vận hành hiệu quả Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam theo hướng thế hệ mới, có hệ sinh thái tài chính toàn diện và đa dạng, tăng cường kết nối sâu rộng với thị trường vốn quốc tế.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quyết định điều chỉnh vị trí, ranh giới, diện tích Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;

b) Giao Cơ quan điều hành tại Thành phố thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân Thành phố nắm giữ 100%

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

vốn điều lệ để đầu tư vào tổ chức hạ tầng thị trường, hạ tầng công nghệ; quản lý và khai thác hạ tầng; phát hành sản phẩm tài chính thông qua Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

3. Cơ quan điều hành tại Thành phố có thẩm quyền:

a) Thành lập đơn vị sự nghiệp trực thuộc, đơn vị trực thuộc khác để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;

b) Cấp phép thành lập ngân hàng có hoạt động ngân hàng đầu tư, cấp phép phát hành sản phẩm tài chính quốc tế theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố;

c) Áp dụng cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng và phát triển nguồn nhân lực quy định tại Điều 38 của Luật này và quy định khác của pháp luật về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

4. Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam được cung cấp dịch vụ tài chính, dịch vụ hỗ trợ khác tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động cho tổ chức trong nước để giao dịch, thu hút vốn quốc tế trên cơ sở tuân thủ đúng và đầy đủ quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối, phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và quản lý nợ công.

Điều 25. Phát triển hạ tầng năng lượng và công nghiệp năng lượng gắn với an ninh năng lượng quốc gia

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mở rộng đối tượng, điều kiện tham gia và cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện với khách hàng sử dụng điện trong phạm vi quản lý của Thành phố; trách nhiệm của đối tượng tham gia mua bán điện trực tiếp.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định danh mục ngành, lĩnh vực, dự án được ưu đãi, hỗ trợ đầu tư để hình thành trung tâm công nghiệp năng lượng quốc gia tích hợp điện, khí, khí hóa lỏng, lọc hóa dầu, năng lượng tái tạo trên địa bàn Thành phố.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quyết định phương hướng, phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong Quy hoạch tổng thể Thành phố;

b) Điều chỉnh cập nhật phương hướng, phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong Quy hoạch tổng thể Thành phố, bao gồm: tên gọi, số lượng, quy mô công suất, cấp điện áp, điểm đấu nối, thời gian, thông tin khác của dự án; bổ sung

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

dự án lưới điện để đồng bộ với nguồn điện, giải tỏa công suất nguồn điện, đáp ứng nhu cầu phụ tải.

4. Dự án hạ tầng năng lượng và công nghiệp năng lượng có quy mô triển khai vượt ra ngoài địa giới hành chính của Thành phố được áp dụng cơ chế, chính sách quy định tại Luật này cho toàn bộ dự án và các chủ thể tham gia sau khi có ý kiến thống nhất của các địa phương có liên quan.

Mục 4

PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, THỂ THAO, DU LỊCH, GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, Y TẾ, AN SINH XÃ HỘI

Điều 26. Phát triển văn hóa, thể thao, du lịch

1. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định cơ chế, chính sách khuyến khích, huy động nguồn lực xã hội hóa, sử dụng tài sản công, ngân sách Thành phố để bảo vệ, phát triển văn hóa, thể thao, du lịch của Thành phố; việc hỗ trợ tổ chức, cá nhân tôn tạo, bảo vệ khu vực có giá trị văn hóa, lịch sử, công trình kiến trúc có giá trị; việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn Thành phố;

b) Quy định tổ chức, hoạt động, cơ chế quản lý, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển kinh tế ban đêm; khu phát triển thương mại, văn hóa, thể thao; trung tâm, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa; tổ hợp sáng tạo văn hóa; loại hình tổ chức, thiết chế văn hóa, thể thao khác;

c) Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ, giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu sáng tạo, phổ biến công trình, sản phẩm, tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật;

d) Quy định việc đặt tên, đổi tên đường, công trình công cộng thuộc phạm vi quản lý của Thành phố;

đ) Quy định cơ chế quản lý, khai thác hoạt động quảng cáo;

e) Quy định cơ chế, chính sách để phát hiện, bồi dưỡng, đào tạo, trọng dụng, chăm lo và phát triển nguồn nhân lực trong các lĩnh vực văn hóa, thể thao, văn học, nghệ thuật, ưu tiên loại hình nghệ thuật truyền thống và bảo tồn di sản văn hóa Việt Nam;

g) Quy định cơ chế hỗ trợ phát triển mô hình dịch vụ du lịch, sản phẩm du lịch và hoạt động du lịch;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

h) Quy định tên gọi, tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận các loại cơ sở lưu trú du lịch chưa được quy định trong hệ thống tiêu chuẩn phân loại, xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch quốc gia;

i) Quyết định danh mục di sản, khu vực có giá trị văn hóa, lịch sử, công trình kiến trúc, công trình khác có giá trị trên địa bàn Thành phố cần tập trung nguồn lực để bảo vệ, phát huy giá trị.

2. Trên cơ sở yếu tố gốc cấu thành di tích và giá trị di tích, di sản trên địa bàn Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định cơ chế hợp tác công - tư trong quản lý, khai thác, sử dụng di tích lịch sử - văn hóa, công trình kiến trúc có giá trị;

b) Quy định yêu cầu, điều kiện, hồ sơ quản lý, biện pháp bảo vệ, bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, cải tạo công trình kiến trúc có giá trị, trừ di tích, di sản được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận hoặc ghi danh;

c) Quyết định việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt sau khi tham vấn ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa ở trung ương theo trình tự, thủ tục do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định.

3. Căn cứ quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định:

a) Cấp, thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế đối với doanh nghiệp đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố;

b) Công nhận, thu hồi quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn Thành phố.

Điều 27. Phát triển giáo dục, đào tạo

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, sử dụng tài sản công, huy động nguồn lực xã hội hóa của cơ sở giáo dục có nhiều cấp học, cơ sở giáo dục chất lượng cao, cơ sở thực hiện liên kết giáo dục và mô hình trường tiên tiến, hiện đại;

b) Chính sách cấp học bổng, cơ chế ưu đãi đặc biệt cho người có năng khiếu, tài năng, có thành tích đặc biệt xuất sắc; cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ khác cho người học, nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đi học tập, nghiên cứu, thỉnh giảng trong nước và nước ngoài thuộc các lĩnh vực, ngành trọng điểm theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

c) Cơ chế, chính sách hỗ trợ giáo dục, phát triển giáo dục toàn diện trong cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố;

d) Cơ chế, chính sách giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng đối với cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, viện nghiên cứu, tổ chức trong nước và nước ngoài có chức năng đào tạo, bồi dưỡng để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao;

đ) Chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố tham gia các hoạt động giáo dục.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định việc thực hiện liên kết giáo dục giữa cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, tư thục với cơ sở nước ngoài;

b) Quy định tiêu chí, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và dịch vụ giáo dục đối với cơ sở giáo dục quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và cơ sở giáo dục trọng điểm trên địa bàn Thành phố;

c) Bổ sung chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông nhưng phải bảo đảm yêu cầu về mục tiêu giáo dục, phẩm chất, năng lực của học sinh cần đạt được và nội dung giáo dục bắt buộc của chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục phổ thông quốc gia;

d) Ban hành chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đối với cơ sở giáo dục quy định tại điểm a khoản 1 Điều này phù hợp với mục tiêu phát triển giáo dục của Thành phố, yêu cầu về mục tiêu giáo dục, phẩm chất, năng lực của học sinh cần đạt được và nội dung giáo dục bắt buộc của chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục phổ thông quốc gia.

3. Căn cứ quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên, cấp phép hoạt động trường đại học công lập, cao đẳng công lập trong phạm vi quản lý của Thành phố; cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên, cấp phép hoạt động trường đại học tư thục, cao đẳng tư thục trên địa bàn Thành phố;

b) Cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên, cấp phép hoạt động đối với trường đại học, cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài hoặc có hoạt động liên kết đào tạo với cơ sở nước ngoài trên địa bàn Thành phố sau khi lấy ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Điều 28. Phát triển hệ thống y tế, an sinh xã hội

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Chính sách hỗ trợ từ ngân sách Thành phố để chi trả cho chi phí phòng bệnh; chi phí khám bệnh, chữa bệnh ngoài phạm vi chi trả của quỹ bảo hiểm y tế theo lộ trình phù hợp;

b) Chính sách phát triển hệ thống cấp cứu ngoại viện, vận chuyển y tế; giá dịch vụ cấp cứu ngoại viện và tỷ lệ đồng chi trả của người bệnh khi sử dụng dịch vụ cấp cứu ngoại viện để làm cơ sở thực hiện việc hỗ trợ thanh toán;

c) Cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động của hệ thống y tế các cấp trên địa bàn Thành phố; huy động, đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với các cơ sở y tế trên địa bàn Thành phố tham gia hoạt động cấp cứu ngoại viện, vận chuyển y tế, phòng, chống dịch bệnh, ứng phó thảm họa, chăm sóc sức khỏe cộng đồng và nhiệm vụ y tế công ích khác của Thành phố;

d) Chế độ, chính sách ưu đãi cho người có công với cách mạng trên địa bàn Thành phố;

đ) Cơ chế, chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội theo hướng mở rộng đối tượng, nâng mức thụ hưởng bảo đảm hệ thống an sinh xã hội toàn diện, hiện đại, bền vững, bao phủ toàn dân; phát triển hệ thống cơ sở chăm sóc người cao tuổi, cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn Thành phố;

e) Cơ chế, chính sách phát triển dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người nước ngoài tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn Thành phố.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền điều phối quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của bệnh viện công lập cho bệnh viện công lập khác thuộc phạm vi quản lý của Thành phố trong trường hợp số dư quỹ vượt quá 02 lần mức trích khấu hao, hao mòn tài sản cố định hằng năm và đơn vị có quỹ không có nhu cầu sử dụng để đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị.

3. Căn cứ quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Cấp phép nhập khẩu thuốc chưa có giấy đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam đáp ứng nhu cầu điều trị đặc biệt được sử dụng cho mục đích cấp cứu hoặc chống độc, chống thải ghép hoặc thuốc thuộc Danh mục thuốc hiếm để cung cấp cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do Thành phố quản lý về chuyên môn;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Quyết định cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do Thành phố quản lý về chuyên môn được áp dụng kỹ thuật loại đặc biệt.

Điều 29. Cơ chế, chính sách về bảo đảm an toàn thực phẩm

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ, đầu tư, nguồn lực để bảo đảm hiệu quả về an toàn thực phẩm; phát triển cơ sở hạ tầng dùng chung và hệ thống cơ sở dữ liệu trong quản lý thực phẩm và an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố, vùng đô thị đặc biệt.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định về biện pháp, quy trình giám sát, phản ứng nhanh để phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm;

b) Quy định quy chế cung ứng, cung cấp thông tin về nguyên liệu thực phẩm, sản phẩm thực phẩm tại Thành phố và được đưa vào Thành phố;

c) Tổ chức, vận hành hệ thống kiểm tra an toàn thực phẩm dựa trên quản lý, kiểm soát nguy cơ về an toàn thực phẩm trong chuỗi cung ứng.

Mục 5

PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Điều 30. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với điều kiện phát triển của Thành phố và các yêu cầu sau đây:

a) Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phải được tích hợp trong hoạch định chính sách, quản lý nhà nước và phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội của Thành phố. Ưu tiên giải quyết các vấn đề lớn của Thành phố; thu hút, trọng dụng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số bằng các chính sách vượt trội;

b) Quản trị rủi ro trong hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố;

c) Ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được phân bổ, sử dụng linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, minh bạch, dựa trên kết quả đầu ra gắn với mục tiêu tăng trưởng kinh tế, chuyển đổi số, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và hiệu quả quản lý đô thị.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, hệ thống đổi mới sáng tạo, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố;

b) Tiêu chí và cơ chế, chính sách cho khu đô thị khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo;

c) Cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; hình thành và phát triển trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế; chuyển giao công nghệ, xác lập, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, ươm tạo, hoạt động của doanh nghiệp khởi nguồn, thương mại hóa sản phẩm, kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ; sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu sản phẩm công nghệ số; phát triển tài sản số; ưu đãi thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố;

d) Việc tổ chức, hoạt động, quản lý Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố;

đ) Việc sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp đóng góp vào Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố; chính sách ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp đã đóng góp vào Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố để thực hiện nhiệm vụ, dự án, đề án phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

e) Việc giao trực tiếp, chỉ định thầu đối với nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, dự án ứng dụng công nghệ số có sử dụng ngân sách Thành phố;

g) Việc thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia quản lý, điều hành, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập khác thuộc phạm vi quản lý của Thành phố và viên chức làm việc tại cơ sở, tổ chức đó;

h) Lĩnh vực, tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung, mức hỗ trợ không hoàn lại từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách Thành phố cho chi phí ươm tạo dự án khởi nghiệp sáng tạo, bao gồm chi phí tổ chức hoạt động tuyển chọn dự án;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

chi phí thuê chuyên gia; tiền công lao động trực tiếp; chi phí dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo; chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, khu làm việc chung;

i) Việc bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư mạo hiểm Thành phố.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định khoán chi trong thực hiện nhiệm vụ, dự án, đề án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách Thành phố;

b) Quy định việc huy động, sử dụng nguồn lực từ tài trợ, hỗ trợ, hình thức hợp tác công - tư và hình thức khác trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

c) Quy định việc xây dựng, tạo lập, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố, bảo đảm liên thông, kết nối với cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương; phương thức quản trị tiên tiến dựa trên dữ liệu số, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo; cơ chế chia sẻ dữ liệu công - tư theo hợp đồng khai thác dữ liệu;

d) Quy định về bảo đảm an toàn, quản lý rủi ro, biện pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý nhà nước trên địa bàn Thành phố;

đ) Ban hành quy chuẩn kỹ thuật, công bố tiêu chuẩn trong các lĩnh vực cần có mức yêu cầu cao hơn hoặc chưa có quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia; lựa chọn, công nhận, áp dụng tiêu chuẩn tiên tiến, hiện đại của nước ngoài, khu vực, quốc tế.

Việc thực hiện quy định tại điểm này phải bảo đảm liên thông, kết nối kỹ thuật, quản lý dữ liệu với cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương, địa phương khác và hệ thống quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia; không tạo rào cản đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và thương mại;

e) Đầu tư, mua sắm tài sản, trang thiết bị, cơ sở vật chất dùng chung và giao quyền quản lý, sử dụng, khai thác cho các đơn vị không thuộc quyền quản lý của địa phương để phục vụ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có hiệu quả.

4. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có sử dụng ngân sách Thành phố được áp dụng quy trình chỉ định thầu rút gọn để lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ, hàng hóa khi thực hiện nhiệm vụ, trừ trường hợp mua sắm trực tiếp theo quy định của pháp luật.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

5. Doanh nghiệp có trụ sở chính trên địa bàn Thành phố được sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để đầu tư vào Quỹ đầu tư mạo hiểm Thành phố theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Điều 31. Thử nghiệm có kiểm soát

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Tiêu chí, điều kiện lựa chọn và trình tự, thủ tục cho phép, điều chỉnh, kết thúc, hoàn thành việc thử nghiệm có kiểm soát công nghệ, quy trình, giải pháp, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới và các mô hình khác;

b) Cơ chế hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm; cơ chế bảo vệ người tham gia thử nghiệm; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thử nghiệm có kiểm soát;

c) Chính sách khuyến khích, hỗ trợ, tài trợ cho hoạt động thử nghiệm có kiểm soát; nguồn kinh phí bảo đảm cho hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào phê duyệt, hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm; việc sử dụng cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước, cơ sở hạ tầng, tài sản công để hỗ trợ thử nghiệm có kiểm soát;

d) Chính sách ưu tiên mua sắm, đầu tư từ ngân sách Thành phố và hỗ trợ phát triển thị trường đối với dự án thử nghiệm có kiểm soát được đánh giá đạt hiệu quả.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Quyết định cho phép thử nghiệm và ban hành quy chế thử nghiệm đối với từng dự án thử nghiệm; quyết định việc tạm thời không áp dụng một số quy định của pháp luật trong phạm vi giới hạn thử nghiệm đối với từng dự án thử nghiệm cụ thể đã có quy định của pháp luật nhưng không đủ cụ thể hoặc không còn phù hợp; điều chỉnh phạm vi thử nghiệm, tạm dừng, gia hạn, kết thúc thử nghiệm.

Việc tạm thời không áp dụng một số quy định của pháp luật quy định tại điểm này không bao gồm quy định của pháp luật trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh;

b) Thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan; tổ chức hướng dẫn và kiểm soát quá trình thử nghiệm;

c) Báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố về tình hình, kết quả thử nghiệm có kiểm soát; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện pháp luật về lĩnh vực, nội dung có liên quan.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

3. Việc thực hiện thử nghiệm có kiểm soát phải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, lợi ích công cộng, bảo vệ quyền lợi của người tham gia thử nghiệm.

Điều 32. Phát triển khu công nghệ cao

1. Khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố bao gồm loại hình khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và loại hình tập trung, liên kết ứng dụng, phát triển công nghệ cao trong các lĩnh vực khác.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Việc thành lập, điều chỉnh, đầu tư xây dựng, quản lý và phát triển khu công nghệ cao; chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ cao; phạm vi, tiêu chí, điều kiện thực hiện hoạt động sản xuất sản phẩm công nghệ cao, đổi mới sáng tạo trọng điểm, cung ứng dịch vụ công nghệ cao trong khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố;

b) Cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ và nguồn lực hỗ trợ phát triển hạ tầng khu công nghệ cao, dự án đầu tư và các hoạt động tại khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố;

c) Cơ chế, chính sách, mô hình về quản lý, quản trị khu công nghệ cao và các nội dung khác phục vụ phát triển khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố;

d) Cơ chế, chính sách phát triển đô thị công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.

Mục 6

NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ ĐẶC BIỆT

Điều 33. Quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách

1. Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Thành phố không quá 70% số tăng thu ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao sau khi đã thực hiện thưởng vượt dự toán các khoản thu theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước đối với các khoản thu sau đây:

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí và thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu);

b) Thuế thu nhập cá nhân;

c) Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ khoản hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

d) Thuế bảo vệ môi trường.

2. Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Thành phố không quá 70% số tăng thu từ các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% trên địa bàn Thành phố so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao đối với các khoản thu sau đây:

a) Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế nhập khẩu bổ sung;

b) Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu;

c) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước ở trung ương thực hiện (trừ phí thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí). Các khoản phí thu từ hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

d) Lệ phí do các cơ quan nhà nước ở trung ương thu, trừ lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Khoản bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương cho ngân sách Thành phố quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không vượt quá tổng số tăng thu ngân sách trung ương trên địa bàn so với thực hiện thu năm trước và bảo đảm ngân sách trung ương không hụt thu. Việc xác định số bổ sung có mục tiêu trên cơ sở tổng các khoản thu, không tính riêng từng khoản thu. Chính phủ quyết định mức bổ sung có mục tiêu phù hợp với yêu cầu thực tế điều hành ngân sách nhà nước, bảo đảm tính chủ đạo của ngân sách trung ương.

Các khoản thu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không bao gồm khoản thu không giao cho Thành phố quản lý thu, không phát sinh trên địa bàn Thành phố mà chỉ hạch toán nộp ở Thành phố; khoản thu đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép sử dụng cho nhiệm vụ chi cụ thể; khoản hạch toán ghi thu, ghi chi và các khoản thu được để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các khoản thu quy định tại khoản 4 Điều này không dùng để xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách Thành phố.

4. Ngân sách Thành phố được hưởng toàn bộ các khoản thu sau đây:

a) Thu từ giao dịch tín chỉ các-bon, kết quả giảm phát thải khí nhà kính từ các chương trình, dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon sử dụng ngân sách Thành phố; thu từ khai thác quỹ đất khu vực TOD của tuyến đường sắt địa phương để ưu tiên đầu tư các dự án đường sắt địa phương và các dự án giao thông;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Thu từ phí, lệ phí do Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành ngoài Danh mục phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí;

c) Khoản thu khác theo quy định tại Luật này mà chưa được quy định trong pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định nội dung chi từ nguồn thực hiện chính sách tiền lương của Thành phố nhưng phải bảo đảm đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội theo quy định;

b) Quy định nội dung chi từ nguồn tăng thu ngân sách Thành phố, nguồn thưởng vượt dự toán các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố và nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, ngoài các nội dung đã được quy định theo pháp luật về ngân sách nhà nước;

c) Quy định việc phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu dự án, trái phiếu công trình, trái phiếu đô thị, trái phiếu xanh; vay từ các tổ chức tài chính trong nước, nước ngoài, quốc tế để huy động vốn nhằm triển khai các dự án đầu tư của Thành phố nhưng phải bảo đảm các chỉ tiêu an toàn nợ công theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công;

d) Quy định việc sắp xếp, tổ chức lại các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đổi mới mô hình tổ chức, cơ chế hoạt động theo hướng đa mục tiêu, đa chức năng, bảo đảm tinh gọn, hiệu quả;

đ) Quy định hoặc giao Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi, cơ chế khoán chi đối với các nhiệm vụ chi sử dụng ngân sách Thành phố khác hoặc chưa được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

e) Quy định về chính sách thưởng nhằm tôn vinh, động viên, khuyến khích các tập thể, hộ gia đình, cá nhân trong nước và nước ngoài có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thành phố;

g) Quy định khoản thu khác theo quy định tại Luật này mà chưa được quy định trong pháp luật về ngân sách nhà nước;

h) Quy định việc miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất ngoài quy định hiện hành nhưng không làm giảm nguồn thu ngân sách trung ương hưởng từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

i) Quy định việc sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện trách nhiệm chi trả, bồi thường của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của Thành phố cho tổ chức, cá nhân theo bản án, quyết định đã có hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền mà không thuộc trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

k) Quyết định cơ cấu chi ngân sách Thành phố phù hợp với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; việc sử dụng các nguồn kết dư ngân sách, quỹ ngân sách của Thành phố;

l) Quyết định việc sử dụng ngân sách cấp Thành phố để thực hiện dự án đầu tư, công trình, dự án ngoài địa bàn Thành phố;

m) Quyết định việc sử dụng ngân sách cấp Thành phố để hỗ trợ quốc gia khác;

n) Quyết định điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, trừ án phí, lệ phí Tòa án và các loại phí thuộc nguồn thu ngân sách trung ương hưởng 100%;

o) Quyết định việc trích lập quỹ dự trữ tài chính phù hợp với khả năng, nhu cầu của địa phương và bảo đảm số dư của quỹ không quá 25% dự toán chi ngân sách cấp Thành phố hằng năm;

p) Bố trí vốn đầu tư công từ ngân sách Thành phố để hỗ trợ lãi suất đối với các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố được tổ chức có chức năng quỹ đầu tư phát triển địa phương cho vay hoặc làm đầu mối cho vay hợp vốn với các tổ chức tín dụng theo đối tượng, điều kiện, trình tự, thủ tục, mức, thời gian hỗ trợ do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định.

6. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định điều hành linh hoạt việc sử dụng ngân sách Thành phố cho chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên trong tổng nguồn vốn ngân sách Thành phố đã được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua hằng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất và tổng hợp báo cáo tại kỳ họp thường lệ cuối năm.

Điều 34. Thẩm quyền về đầu tư

1. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công, dự án PPP là dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn ngân sách Thành phố, nguồn vốn hợp pháp khác của Thành phố, trừ dự án nhà máy điện hạt nhân;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công, dự án PPP trên địa bàn Thành phố có sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ trong trường hợp được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ giao; quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư công, dự án PPP đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư và giao Ủy ban nhân dân Thành phố làm cơ quan chủ quản thực hiện dự án trong trường hợp không làm tăng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trung ương, nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của nước ngoài.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định việc đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch trên cơ sở nguyên tắc của pháp luật về quy hoạch trong chấp thuận hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định giao chủ đầu tư, quyết định đầu tư dự án, lựa chọn nhà đầu tư và cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quyết định chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

b) Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật về đầu tư, trừ dự án đầu tư có kinh doanh đặt cược, casino, dự án đầu tư nhà máy điện hạt nhân, dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, xuất bản, báo chí, dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh có mức độ tuyệt mật trên địa bàn Thành phố.

4. Đối với dự án lớn, quan trọng cần áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt khác với quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trên cơ sở được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền và sau khi tham vấn các cơ quan có thẩm quyền ở trung ương, Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định cơ chế, chính sách đặc biệt khác với quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

5. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

a) Tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hình thức lựa chọn nhà đầu tư, nhà thầu, loại hợp đồng và cơ chế thanh toán đối với dự án PPP;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Trường hợp, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện dự án, công trình khẩn cấp, cấp bách trên địa bàn Thành phố;

c) Việc chỉ định thầu, chỉ định nhà đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với dự án, công trình khẩn cấp, cấp bách hoặc dự án, công trình, hạng mục công trình cần triển khai ngay nhằm bảo đảm tiến độ thực hiện dự án, công trình;

d) Cơ chế, chính sách về đầu tư, quản lý cơ sở hạ tầng và biện pháp hỗ trợ khác cho phát triển dịch vụ pháp lý, giải quyết tranh chấp quốc tế trên địa bàn Thành phố.

6. Đối với dự án do cơ quan có thẩm quyền của Thành phố quyết định hoặc chấp thuận theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, nhà ở, đấu thầu chậm triển khai trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, Hội đồng nhân dân Thành phố quy định hoặc quyết định chính sách, biện pháp đặc biệt, khác với quy định của pháp luật để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhưng phải tuân thủ các nguyên tắc, yêu cầu sau đây:

a) Phải có kết luận thanh tra, kiểm tra hoặc bản án đã có hiệu lực pháp luật, trong đó nguyên nhân dẫn đến vi phạm, sai phạm là do lỗi của cơ quan quản lý nhà nước hoặc do lỗi của cơ quan quản lý nhà nước và nhà đầu tư, chủ đầu tư; cho phép xử lý tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đồng thời với quá trình xử lý trách nhiệm theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án, bảo đảm không làm phát sinh sai phạm mới và có phương án khắc phục thiệt hại;

b) Đối với dự án đang trong quá trình tiến hành tố tụng hình sự, hành chính, dân sự thì việc áp dụng quy định tại khoản này chỉ được thực hiện sau khi có bản án đã có hiệu lực pháp luật hoặc quyết định đình chỉ vụ án; trường hợp bản án đã có hiệu lực pháp luật có nội dung quyết định xử lý khác với quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành theo quy định tại khoản này thì thực hiện theo bản án đã có hiệu lực pháp luật;

c) Xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm khắc phục hậu quả các vi phạm về kinh tế, thu hồi lợi ích vật chất do hành vi vi phạm; không hợp pháp hóa sai phạm, không để phát sinh sai phạm mới; kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân có hành vi lợi dụng việc thực hiện quy định tại khoản này để tham nhũng, tiêu cực, bao che hành vi vi phạm;

d) Bảo đảm phù hợp với thực tiễn khách quan, hoàn cảnh lịch sử cụ thể; bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể có liên

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

quan, lợi ích chính đáng của bên thứ ba ngay tình trong lợi ích tổng thể của quốc gia theo quy định của pháp luật; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, hạn chế tối đa tranh chấp, khiếu kiện, nhất là tranh chấp có yếu tố nước ngoài;

đ) Phải phân loại dự án theo tiêu chí về nguyên nhân chậm triển khai; việc quyết định các biện pháp giải quyết phải phù hợp với tình trạng pháp lý, nghĩa vụ tài chính, mức độ vi phạm và khả năng tiếp tục thực hiện của từng dự án;

e) Công khai đầy đủ các thông tin về dự án, khó khăn, vướng mắc và tất cả trình tự, thủ tục, quyết định xử lý dự án; trước ngày 31 tháng 12 hằng năm báo cáo Chính phủ tình hình xử lý dự án nếu áp dụng chính sách, biện pháp khác với quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ hoặc báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội nếu khác với quy định của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

g) Việc xử lý dự án chậm triển khai quy định tại khoản này phải hoàn thành chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2031;

h) Việc xử lý dự án chậm triển khai quy định tại khoản này không làm thay đổi hoặc làm chấm dứt trách nhiệm dân sự hoặc trách nhiệm pháp lý khác theo kết luận thanh tra, kiểm tra hoặc theo bản án đã có hiệu lực pháp luật (nếu có).

7. Nhà đầu tư được gia hạn thời hạn hoạt động của dự án trước khi hết thời hạn hoạt động của dự án, trừ trường hợp Luật Đầu tư không cho phép gia hạn.

Điều 35. Sự tham gia của khu vực kinh tế tư nhân trong quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác tài sản

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về phạm vi, lĩnh vực, điều kiện, tiêu chí, trình tự, thủ tục; cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trong áp dụng hình thức hợp tác giữa Nhà nước và khu vực kinh tế tư nhân trong việc tham gia quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác tài sản để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, phúc lợi xã hội, mục đích công cộng khác nhưng phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

a) Quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác tài sản hiệu quả, đúng mục đích, công năng của tài sản, tiêu chuẩn, chế độ; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, cục bộ;

b) Thỏa thuận bình đẳng, tự nguyện với nhà đầu tư, chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, tài sản trong thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản được đầu tư, xây dựng, tạo lập từ các hoạt động đầu tư kinh doanh hoặc từ nguồn không thuộc ngân sách nhà nước;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

c) Công khai thông tin và cam kết của hợp đồng về chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác, cho thuê quyền khai thác hoặc phương thức khác trong quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, công trình, tài sản công khác, trừ thông tin bí mật theo quy định của luật;

d) Bảo đảm việc giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; xử lý kịp thời, nghiêm minh hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc lựa chọn, áp dụng hình thức hợp tác quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 36. Thu hút nhà đầu tư chiến lược

1. Danh mục ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược bao gồm:

a) Đầu tư xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển; đầu tư nghiên cứu và hỗ trợ chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ xanh, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu mới, năng lượng sạch có quy mô vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên;

b) Đầu tư dự án trong lĩnh vực công nghiệp mạch tích hợp bán dẫn, công nghệ thiết kế, chế tạo linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp, điện tử linh hoạt, chip, pin công nghệ mới, vật liệu mới, công nghiệp năng lượng sạch có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên;

c) Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh khu phức hợp giải trí nghỉ dưỡng bao gồm dịch vụ lưu trú phục vụ khách du lịch đạt chuẩn tối thiểu 5 sao, dịch vụ nghỉ dưỡng cao cấp và ít nhất một trong các dịch vụ mua sắm, vui chơi giải trí tổng hợp, y tế chuyên sâu, cơ sở hạ tầng giao thông kết nối các khu tại hành lang sông, hành lang ven biển, đảo để tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên;

d) Dự án đầu tư cơ sở y tế chuyên sâu có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên; cơ sở chăm sóc người cao tuổi có quy mô vốn đầu tư từ 2.000 tỷ đồng trở lên; khu liên hợp thể thao, công viên văn hóa hoặc công viên chuyên đề có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên;

đ) Dự án cải tạo, di dời nhà trên sông, nhà ven sông, nhà trên kênh rạch, nhà ven kênh rạch có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên;

e) Dự án đầu tư độc lập hoặc kết hợp các loại hình công viên cây xanh công cộng, bãi để xe công cộng, hạ tầng năng lượng sạch có quy mô vốn đầu tư từ 2.000 tỷ đồng trở lên;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

g) Dự án nhà máy đốt rác phát điện có quy mô vốn đầu tư từ 2.000 tỷ đồng trở lên;

h) Dự án đầu tư xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - công trình thoát nước có quy mô vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên;

i) Dự án xử lý, chuyển đổi các bãi chôn lấp rác đã dừng hoạt động vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội có quy mô vốn đầu tư từ 10.000 tỷ đồng trở lên;

k) Dự án thuộc khu trọng điểm phát triển đô thị được xác định theo Quy hoạch tổng thể Thành phố có quy mô vốn đầu tư từ 50.000 tỷ đồng trở lên;

l) Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng tại khu thương mại tự do, bao gồm: đầu tư bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 75.000 tỷ đồng trở lên; đầu tư khu logistics tích hợp có quy mô vốn đầu tư từ 25.000 tỷ đồng trở lên; đầu tư khu chức năng công nghiệp, đô thị, dịch vụ có quy mô vốn đầu tư từ 20.000 tỷ đồng trở lên;

m) Dự án đầu tư trong các ngành dịch vụ, thương mại quy định tại Điều 20 của Luật này có quy mô vốn đầu tư từ 10.000 tỷ đồng trở lên;

n) Dự án ưu tiên thu hút đầu tư tại đặc khu, bao gồm: đầu tư nâng cấp, mở rộng cảng hàng không có quy mô vốn đầu tư từ 10.000 tỷ đồng trở lên; đầu tư bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt có quy mô vốn đầu tư từ 800 tỷ đồng trở lên; đầu tư bến tàu khách, tàu hàng có quy mô vốn đầu tư từ 2.000 tỷ đồng trở lên; đầu tư xây dựng và kinh doanh công trình giao thông kết hợp thương mại, dịch vụ có quy mô vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên;

o) Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị lấn biển đáp ứng tiêu chí theo quy định của Chính phủ.

2. Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư được lựa chọn để thực hiện dự án thuộc Danh mục ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược và đáp ứng điều kiện sau đây:

a) Có vốn chủ sở hữu góp vào dự án tối thiểu bằng 20% tổng vốn đầu tư đối với dự án có quy mô vốn đầu tư đến dưới 30.000 tỷ đồng;

b) Có vốn chủ sở hữu góp vào dự án tối thiểu bằng 15% tổng vốn đầu tư đối với dự án có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên;

c) Trong trường hợp có nhiều nhà đầu tư tham gia đầu tư cùng một dự án thì tổng vốn chủ sở hữu góp vào dự án của các nhà đầu tư phải đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này, trong đó phải có ít nhất 01 nhà đầu tư góp tối thiểu là 30% và các nhà đầu tư còn lại phải góp tối thiểu là 15%. Dự án gồm nhiều dự án thành phần hoặc gồm nhiều phân kỳ đầu tư,

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

trừ dự án nhà ở thương mại, thì vốn chủ sở hữu tối thiểu góp vào dự án được xác định theo từng dự án thành phần hoặc theo phân kỳ đầu tư nhưng không được thấp hơn 30% tổng vốn chủ sở hữu tối thiểu góp vào từng dự án thành phần, phân kỳ đầu tư của dự án và tuân thủ quy định tại khoản 8 Điều này;

d) Có cam kết bằng văn bản về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng các điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường theo quy định;

đ) Có cam kết xử lý triệt để ô nhiễm môi trường đất, nước ngầm trước khi chuyển đổi mục đích sử dụng; đồng thời tiếp tục quan trắc, kiểm soát tác động đến môi trường của khu vực bãi chôn lấp rác đã xử lý, cải tạo khi thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội nhằm ngăn ngừa rủi ro ô nhiễm môi trường trong trường hợp thực hiện dự án quy định tại điểm i khoản 1 Điều này.

3. Nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 2 Điều này được lựa chọn theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 5 hoặc khoản 6 Điều này để thực hiện dự án đầu tư thuộc Danh mục ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 1 Điều này thì được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và có nghĩa vụ quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều này.

4. Căn cứ Danh mục ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 1 Điều này, nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề xuất dự án đầu tư. Việc lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện như sau:

a) Dự án đầu tư kinh doanh thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều này;

b) Dự án PPP thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều này.

5. Đối với dự án đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật về đầu tư, trình tự, thủ tục đăng ký thực hiện dự án và lựa chọn nhà đầu tư chiến lược được thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư trong trường hợp có 01 nhà đầu tư đề xuất và đáp ứng điều kiện nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên đáp ứng điều kiện nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 2 Điều này nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị thực hiện dự án đầu tư tại cùng một địa điểm trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của nhà đầu tư đầu tiên, cơ quan đăng ký đầu tư báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành tiêu chí chấm điểm và thành lập Hội đồng xét duyệt nhà đầu tư chiến lược để công khai và công bằng trong lựa chọn nhà đầu tư chiến lược;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

c) Căn cứ quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư chiến lược (nếu thuộc diện cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư); cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc giao đất, cho thuê đất (nếu có) theo quy định của pháp luật về đất đai;

d) Đối với nội dung không quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

6. Đối với dự án PPP, trình tự, thủ tục đề xuất dự án và lựa chọn nhà đầu tư chiến lược được thực hiện như sau:

a) Trường hợp có 01 nhà đầu tư đề xuất dự án và đáp ứng điều kiện nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 2 Điều này thì nhà đầu tư này được lựa chọn làm nhà đầu tư chiến lược thực hiện dự án. Cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư chiến lược đối với nhà đầu tư được lựa chọn;

b) Trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên đáp ứng điều kiện nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 2 Điều này nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị thực hiện cùng 01 dự án trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của nhà đầu tư đầu tiên, cơ quan có thẩm quyền báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành tiêu chí chấm điểm và thành lập Hội đồng xét duyệt nhà đầu tư chiến lược. Nhà đầu tư chiến lược có đề xuất dự án phù hợp hơn được lựa chọn làm nhà đầu tư thực hiện dự án;

c) Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư (nếu có), phê duyệt dự án, ký kết và thực hiện hợp đồng dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

d) Đối với nội dung không quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

7. Nhà đầu tư chiến lược được hưởng ưu đãi, hỗ trợ sau đây:

a) Thời hạn thực hiện dự án đến 70 năm đối với dự án có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên, trừ dự án nhà ở thương mại;

b) Được hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan và thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của dự án đầu tư do nhà đầu tư chiến lược thực hiện trên địa bàn Thành phố khi đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan, thuế, trừ điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu và các quy định về thời hạn (nếu có) để được áp dụng chế độ ưu tiên và thực hiện thủ tục hải quan tại đơn vị hải quan quản lý địa bàn Thành phố.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Người đứng đầu Hải quan khu vực quản lý địa bàn Thành phố có thẩm quyền công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ việc áp dụng chế độ ưu tiên cho nhà đầu tư chiến lược tại Thành phố;

c) Hỗ trợ phát triển nhân lực, hạ tầng xã hội, công trình hạ tầng xã hội, sản phẩm công nghệ cao, nghiên cứu và phát triển;

d) Ưu đãi, hỗ trợ khác do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định để đáp ứng yêu cầu cấp thiết trong thu hút nhà đầu tư chiến lược.

8. Nhà đầu tư chiến lược có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tổ chức thực hiện dự án theo các nội dung quy định tại giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư;

b) Dự án có quy mô vốn đầu tư dưới 30.000 tỷ đồng thì phải giải ngân tổng vốn đầu tư của dự án trong thời hạn 05 năm kể từ ngày bàn giao đất, bàn giao khu vực biển trên thực địa.

Dự án có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng đến dưới 50.000 tỷ đồng thì phải giải ngân tổng vốn đầu tư của dự án trong thời hạn 07 năm kể từ ngày bàn giao đất, bàn giao khu vực biển trên thực địa.

Dự án có quy mô vốn đầu tư từ 50.000 tỷ đồng đến dưới 100.000 tỷ đồng thì phải giải ngân tổng vốn đầu tư của dự án trong thời hạn 10 năm kể từ ngày bàn giao đất, bàn giao khu vực biển trên thực địa.

Dự án có quy mô vốn đầu tư từ 100.000 tỷ đồng trở lên thì phải giải ngân tối thiểu 50.000 tỷ đồng trong thời hạn 10 năm đầu tiên và hoàn tất việc đầu tư, xây dựng theo tiến độ thực hiện dự án nhưng tối đa không quá 20 năm kể từ ngày bàn giao đất, bàn giao khu vực biển trên thực địa;

c) Không được chuyển nhượng dự án trong thời hạn giải ngân quy định tại điểm b khoản này; đối với dự án có quy mô vốn đầu tư từ 100.000 tỷ đồng trở lên quy định tại điểm b khoản này thì không được chuyển nhượng dự án trong thời hạn 10 năm kể từ ngày bàn giao đất, bàn giao khu vực biển trên thực địa. Việc chuyển nhượng dự án đầu tư xây dựng khu đô thị lấn biển thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 19 của Luật này;

d) Hỗ trợ kinh phí để đào tạo nghề đối với lao động bị ảnh hưởng tại khu vực dự án; ưu tiên tiếp nhận lao động địa phương vào làm việc tại dự án; thực hiện việc ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ chiến lược trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận giữa các bên, bảo đảm tuân thủ pháp

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

luật về sở hữu trí tuệ và phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

9. Nhà đầu tư chiến lược được thành lập doanh nghiệp do nhà đầu tư chiến lược sở hữu 100% vốn điều lệ để thực hiện dự án đầu tư và thông báo cho cơ quan đăng ký đầu tư nơi thực hiện dự án mà không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư. Doanh nghiệp thành lập theo khoản này là nhà đầu tư thực hiện dự án kể từ thời điểm thành lập, có các quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư chiến lược và phải bảo đảm đầy đủ điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược.

10. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, trường hợp nhà đầu tư chiến lược và doanh nghiệp quy định tại khoản 9 Điều này không đáp ứng điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân và điều kiện khác đối với nhà đầu tư chiến lược thì không được hưởng ưu đãi, hỗ trợ quy định tại khoản 7 Điều này. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về các hậu quả phát sinh do không thực hiện đúng cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

11. Đối với các khu vực đã có nhà đầu tư được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư thì Ủy ban nhân dân Thành phố được giao nhà đầu tư tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch phân khu, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Nhà đầu tư được lập, điều chỉnh quy hoạch chi tiết, lấy ý kiến cộng đồng dân cư đồng thời với quy hoạch phân khu và không cần lập nhiệm vụ quy hoạch chi tiết.

12. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Điều chỉnh, bổ sung, công bố Danh mục ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược và quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện lựa chọn nhà đầu tư chiến lược căn cứ vào điều kiện thực tiễn của Thành phố và bảo đảm điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 2 Điều này, trừ trường hợp do Chính phủ quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật này;

b) Quy định việc phạt, bồi hoàn các khoản ưu đãi, hỗ trợ đã nhận, chấm dứt dự án do không đáp ứng điều kiện, không thực hiện cam kết, nghĩa vụ của nhà đầu tư chiến lược.

Điều 37. Quản lý, sử dụng, bảo vệ tài nguyên

1. Các trường hợp thu hồi đất trên địa bàn Thành phố:

a) Các trường hợp thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Thu hồi đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Luật này;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

c) Thu hồi đất vùng phụ cận đường bộ, nhà ga, đề-pô đường sắt địa phương đồng thời với việc thu hồi đất để đầu tư xây dựng mới trục đường bộ, đường sắt địa phương hoặc mở rộng trục đường bộ hiện có theo quy hoạch;

d) Thu hồi đất thực hiện dự án quy định tại điểm n khoản 1 Điều 36 của Luật này.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định trình tự, thủ tục, thẩm quyền thu hồi cơ sở nhà, đất trên địa bàn Thành phố do cơ quan trung ương quản lý khi có căn cứ thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Cơ sở nhà, đất thuộc diện bị xử lý theo quy định tại điểm này được sử dụng phục vụ cho phát triển hạ tầng, nhà ở xã hội, công trình công cộng, tạo nguồn lực đầu tư phát triển;

b) Sau khi có ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền cho phép triển khai thực hiện đối với dự án lớn, quan trọng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Luật này, Thành phố sử dụng ngân sách cấp Thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư độc lập trước khi phê duyệt chủ trương đầu tư. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục để thực hiện quy định tại điểm này;

c) Quy định cơ chế, chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

d) Quyết định chỉ tiêu sử dụng đất trong phạm vi địa bàn Thành phố, trừ chỉ tiêu sử dụng đất quốc phòng, đất an ninh, bảo đảm phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội;

đ) Quy định việc phát triển không gian xanh trong đô thị phù hợp với quy hoạch đối với quỹ đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý nhưng chưa giao, chưa cho thuê, chưa sử dụng;

e) Quy định trường hợp thăm dò, khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường và nhóm IV đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép không phải thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

g) Quyết định từng trường hợp thu hồi đất quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này. Việc thu hồi đất phải bảo đảm hài hòa lợi ích người dân, Nhà nước, doanh nghiệp, không gây thất thoát, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, cục bộ, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

3. Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

a) Quy định trình tự, thủ tục thực hiện thu hồi đất quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này;

b) Quy định việc góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai để chỉnh trang, tái thiết hoặc xây dựng mới đô thị và nông thôn theo quy hoạch của Thành phố;

c) Quy định việc quản lý khoáng sản trên địa bàn Thành phố về hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản nhóm II làm phụ gia xi măng, nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường và nhóm IV; thu hồi khoáng sản; chế biến khoáng sản; khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản, tài chính về địa chất, khoáng sản; đóng cửa mỏ khoáng sản; việc lập, thẩm định, phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư, dự án đầu tư, thiết kế mỏ, môi trường và sử dụng đất trong hoạt động khoáng sản;

d) Quyết định tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp; điều kiện, trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng, loại công trình để xây dựng công trình trên đất nông nghiệp phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp, nông nghiệp đô thị;

đ) Quyết định diện tích, tỷ lệ sử dụng đất để xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn;

e) Quyết định danh mục dự án được tổ chức thực hiện trước việc điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng, đo đạc, kiểm đếm, thống kê, phân loại, xác định nguồn gốc đất và tài sản gắn liền với đất dự kiến thu hồi để thực hiện dự án thu hồi đất theo quy định tại khoản 1 Điều này; quy định trình tự, thủ tục để thực hiện các hoạt động quy định tại điểm này;

g) Quyết định việc cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước nhằm bảo đảm an ninh nguồn nước;

h) Quyết định việc đưa hồ hình thành từ moong khai thác khoáng sản đã hoàn thành việc đóng cửa mỏ ra khỏi danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp;

i) Lựa chọn, chỉ định nhà đầu tư thực hiện dự án nâng cấp, sửa chữa, nạo vét hồ, đập chứa nước, ao, đầm mà sản phẩm thu hồi được sử dụng phục vụ dự án lớn, quan trọng.

Điều 38. Thu hút, trọng dụng và phát triển nguồn nhân lực

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chính sách thu hút, trọng dụng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, người có tài năng làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố, bao gồm:

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

a) Chính sách về tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, thu nhập, tiền lương, tiền thưởng, chế độ đãi ngộ khác;

b) Chính sách về nhà ở, cư trú và các điều kiện làm việc cần thiết;

c) Cơ chế đặc thù để thu hút, trọng dụng chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, tổng công trình sư, kiến trúc sư trưởng, người có chuyên môn, trình độ cao trong các lĩnh vực ưu tiên phát triển của Thành phố;

d) Chính sách phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số và nguồn nhân lực trong lĩnh vực trọng điểm khác.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chính sách và việc sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện:

a) Hỗ trợ, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở giáo dục, đào tạo trọng điểm trên địa bàn Thành phố;

b) Chính sách xã hội về nhà ở đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn Thành phố;

c) Hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề trong nước và tại cơ sở đào tạo ở nước ngoài đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý của Thành phố;

d) Đầu tư hiện đại hóa một số trường cao đẳng trọng điểm, chất lượng cao đạt chuẩn khu vực, quốc tế phù hợp với định hướng phát triển ngành, nghề ưu tiên; thực hiện chính sách hỗ trợ học phí đối với người học theo học các ngành, nghề trọng điểm, ngành, nghề tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới.

3. Người nước ngoài là chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, người lao động có trình độ cao được hỗ trợ giải quyết thủ tục cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động hoặc giấy phép lao động và được xem xét cấp thị thực, thẻ tạm trú cùng thành viên gia đình theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân Thành phố quy định phạm vi, lĩnh vực, điều kiện hỗ trợ cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động hoặc giấy phép lao động; thị thực, thẻ tạm trú cho diện đối tượng quy định tại khoản này.

Điều 39. Thu hút đầu tư, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, phát triển doanh nghiệp

1. Các dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố được ưu đãi, hỗ trợ bao gồm:

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

a) Dự án đầu tư vào lĩnh vực thể thao trọng điểm, thành lập trung tâm công nghiệp văn hóa, dự án thuộc các ngành công nghiệp văn hóa, các ngành nghệ thuật truyền thống theo danh mục do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định;

b) Dự án đầu tư cơ sở giáo dục, đào tạo các cấp, giáo dục nghề nghiệp; cơ sở đào tạo dành cho người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn;

c) Dự án đầu tư cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại; cơ sở chăm sóc sức khỏe chất lượng cao cho người cao tuổi;

d) Dự án đầu tư phát triển sản phẩm, dịch vụ phục vụ nhu cầu của người cao tuổi; sử dụng phù hợp với người lao động là người cao tuổi, gắn với phát triển đô thị bền vững, an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe;

đ) Dự án đầu tư vào cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập, cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng;

e) Dự án hoạt động công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghệ số, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố;

g) Dự án sử dụng công nghệ cao, tiên tiến trong lĩnh vực môi trường, giảm phát thải các-bon, ứng phó biến đổi khí hậu, xử lý chất thải, nước thải;

h) Dự án đường sắt địa phương;

i) Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dự án chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng, đổi mới thiết bị, công nghệ trong sản xuất công nghiệp, công nghiệp hỗ trợ; dự án thuộc danh mục quy định tại khoản 2 Điều 25 của Luật này; dự án năng lượng mới, năng lượng tái tạo, khí, khí hóa lỏng, lọc hóa dầu; dự án lưu trữ năng lượng; dự án lưới điện thông minh; dự án đầu tư phát triển chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm hội chợ triển lãm hàng hóa, mô hình Outlet, trung tâm logistics, cảng cạn, kho hàng hóa trên địa bàn Thành phố;

k) Dự án phát triển doanh nghiệp sinh thái; dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp chuyên ngành, khu công nghiệp hỗ trợ, khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp;

l) Dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dự án phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề, làng nghề truyền thống; dự án nghiên cứu, sản xuất nông nghiệp hữu cơ, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; dự án nghiên cứu,

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

sản xuất cây giống nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản; dự án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học sản xuất nông nghiệp; dự án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển; dự án đầu tư cơ sở giết mổ động vật tập trung đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia về vệ sinh thú y;

m) Dự án đầu tư trong các ngành dịch vụ, thương mại quy định tại Điều 20 của Luật này; dự án phát triển chuỗi sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ quy định tại điểm c khoản 4 Điều 40 của Luật này;

n) Dự án đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp trên địa bàn Thành phố theo hướng hiện đại, dùng chung, liên thông, kết nối; dự án đầu tư phát triển dịch vụ giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án, dịch vụ pháp lý chất lượng cao, có năng lực hội nhập;

o) Dự án thuộc danh mục ngành, lĩnh vực phát triển kinh tế biển quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 của Luật này;

p) Dự án khác do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định, ban hành phù hợp với chiến lược và tình hình phát triển của Thành phố.

2. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện dự án quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 1 Điều này được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ sau đây:

a) Miễn tiền thuê đất theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được giảm 50% tiền thuê mặt bằng sản xuất, kinh doanh tại các trung tâm đổi mới sáng tạo của Thành phố;

b) Thu nhập từ thực hiện dự án được áp dụng mức thuế suất quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và được áp dụng mức miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện dự án quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ sau đây:

a) Miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ các hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập, các cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Hỗ trợ lãi suất vay vốn từ ngân sách cấp Thành phố tối đa trong 07 năm đầu theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố;

c) Tiền ủng hộ, tài trợ của tổ chức, doanh nghiệp cho các hoạt động tư vấn, tuyên truyền, phòng, chống ma túy, cai nghiện ma túy, phát triển mô hình mới về cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và tiền khuyến khích, động viên cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phòng, chống ma túy được tính là chi phí hợp pháp của tổ chức, doanh nghiệp khi hạch toán.

Tiền ủng hộ, tài trợ của cá nhân cho hoạt động tư vấn, tuyên truyền, phòng, chống ma túy, cai nghiện ma túy, phát triển các mô hình mới về cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và tiền khuyến khích, động viên cho tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phòng, chống ma túy được trừ vào thu nhập trước khi tính thuế đối với cá nhân cư trú tại Thành phố.

4. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng dự án bãi đỗ xe ngầm, bãi đỗ xe cao tầng, trạm sạc điện dùng chung phục vụ phương tiện giao thông được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ sau đây:

a) Miễn tiền thuê đất, tiền sử dụng không gian ngầm trong toàn bộ thời hạn thực hiện dự án;

b) Hỗ trợ 100% tiền thuế nhập khẩu phải nộp đối với các thiết bị, dây chuyền phục vụ trực tiếp cho dự án xây dựng bãi đỗ xe ngầm, bãi đỗ xe cao tầng sử dụng công nghệ cao;

c) Được phép sử dụng tối đa 25% tổng diện tích sàn xây dựng của dự án theo quy hoạch để đầu tư, khai thác dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động trông, giữ xe;

d) Hỗ trợ lãi suất vay vốn từ ngân sách cấp Thành phố theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố;

đ) Miễn tiền thuê đất và tiền thuê quyền khai thác tài sản công đối với diện tích đất do Nhà nước quản lý, đất đường bộ để đầu tư trạm sạc điện phục vụ phương tiện giao thông trong thời hạn 05 năm.

5. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ sau đây:

a) Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 05 năm từ thời điểm phát sinh thuế thu nhập phải nộp đối với thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo phát sinh trên địa bàn Thành phố;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Miễn một số tiêu chí đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu khi tham gia đấu thầu các gói thầu của Thành phố, bao gồm yêu cầu về doanh thu, nguồn lực tài chính, hợp đồng tương tự và các yêu cầu khác để phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

Khi đánh giá, xếp hạng hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, nhà thầu là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoạt động trên địa bàn Thành phố được tính ưu đãi như đối với trường hợp nhà thầu cung cấp hàng hóa có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên theo quy định của pháp luật về đấu thầu; cách tính ưu đãi thực hiện theo quy định của pháp luật.

6. Chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo được miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 05 năm liên tục đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công phát sinh khi làm việc tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố.

7. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện ưu đãi, hỗ trợ quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều này và ưu đãi, hỗ trợ khác theo khả năng của ngân sách Thành phố.

Việc xác định thời gian áp dụng mức thuế suất ưu đãi, thời gian miễn thuế, giảm thuế, điều kiện áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Mục 7

LIÊN KẾT, PHÁT TRIỂN VÙNG

Điều 40. Mục tiêu, nguyên tắc liên kết, phát triển vùng

1. Thành phố là hạt nhân, đô thị trung tâm trong vùng đô thị đặc biệt, thực hiện liên kết, phát triển vùng đô thị đặc biệt với các địa phương trong vùng kinh tế - xã hội có liên quan, phù hợp với vai trò là trung tâm, cực tăng trưởng của vùng.

2. Nhà nước ưu tiên nguồn lực để thúc đẩy liên kết, phát triển giữa Thành phố với các địa phương trong vùng đô thị đặc biệt.

3. Việc liên kết, phát triển vùng đô thị đặc biệt phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

a) Đồng thuận, công khai, minh bạch;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Thực hiện phối hợp, liên kết phát triển thông qua chương trình, kế hoạch, dự án liên kết, phát triển vùng đô thị đặc biệt;

c) Bảo đảm thống nhất trong tổ chức không gian phát triển, đầu tư hạ tầng kỹ thuật chung và thực hiện liên kết giữa Thành phố và các địa phương trong vùng đô thị đặc biệt; phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, Quy hoạch tổng thể Thành phố, quy hoạch tỉnh.

4. Việc quy hoạch, đầu tư phát triển các dự án liên kết, phát triển vùng đô thị đặc biệt, dự án liên kết, phát triển với các địa phương trong vùng kinh tế - xã hội có liên quan phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Liên kết, thống nhất tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hạ tầng giao thông, hạ tầng chung của các địa phương;

b) Phối hợp khai thác tài nguyên khoáng sản; quản lý môi trường, nguồn nước; xử lý ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; ứng phó với biến đổi khí hậu; kiểm soát bệnh tật;

c) Phát triển chuỗi sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, logistics, khoa học và công nghệ, giáo dục, đào tạo, y tế, lao động, văn hóa, du lịch.

Điều 41. Đầu tư, quản lý dự án liên kết, phát triển vùng

1. Việc đề xuất, thực hiện dự án liên kết, phát triển vùng, dự án liên kết, phát triển vùng đô thị đặc biệt được thực hiện như sau:

a) Ủy ban nhân dân Thành phố, các địa phương có liên quan báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, đồng thuận về việc thực hiện dự án;

b) Ủy ban nhân dân Thành phố cùng với các địa phương tham gia dự án thống nhất lựa chọn một Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm cơ quan chủ quản hoặc cơ quan có thẩm quyền thực hiện dự án.

2. Ngân sách trung ương và ngân sách địa phương bố trí để triển khai thực hiện dự án liên kết, phát triển vùng, dự án liên kết, phát triển vùng đô thị đặc biệt có sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định sau đây:

a) Ngân sách trung ương ưu tiên bố trí vốn cho dự án;

b) Ưu tiên bố trí từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương để bảo đảm đầu tư dự án liên kết, phát triển vùng, dự án liên kết, phát triển vùng đô thị đặc biệt trước các chương trình, nhiệm vụ, dự án khác;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

c) Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục dự án được hỗ trợ từ ngân sách trung ương quy định tại Điều này theo đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Các địa phương tham gia thực hiện dự án liên kết, phát triển vùng, dự án liên kết, phát triển vùng đô thị đặc biệt có các quyền sau đây:

a) Được áp dụng quy định của Luật Phát triển đô thị và văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị để lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện dự án liên kết, phát triển vùng, dự án liên kết, phát triển vùng đô thị đặc biệt theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh của địa phương đó sau khi thống nhất với Hội đồng nhân dân Thành phố;

b) Được sử dụng ngân sách để đầu tư trực tiếp vào dự án liên kết, phát triển vùng đô thị đặc biệt trên địa bàn địa phương khác trong vùng đô thị đặc biệt nhằm giải quyết các vấn đề về hạ tầng giao thông, môi trường, cấp nước sạch, thoát nước và công trình khác để phục vụ lợi ích chung;

c) Được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật này đối với dự án về lĩnh vực môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, dự án an toàn thực phẩm có tính chất vùng.

4. Quỹ Phát triển vùng đô thị đặc biệt được thành lập và hoạt động như sau:

a) Quỹ Phát triển vùng đô thị đặc biệt là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Hội đồng nhân dân Thành phố thành lập trên cơ sở thống nhất với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh của các địa phương trong vùng đô thị đặc biệt;

b) Nguồn tài chính của Quỹ hình thành từ ngân sách trung ương, ngân sách của địa phương trong vùng đô thị đặc biệt, các nguồn hỗ trợ, tài trợ và nguồn hợp pháp khác;

c) Quỹ được sử dụng để đầu tư các dự án liên kết phát triển vùng đô thị đặc biệt, ưu tiên các dự án về giao thông, hạ tầng quan trọng, dự án xử lý ô nhiễm môi trường, khai thác khoáng sản; xử lý sự cố, thiên tai, kiểm soát bệnh tật có tính chất vùng;

d) Quy chế hoạt động của Quỹ do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành trên cơ sở thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các địa phương trong vùng đô thị đặc biệt.

5. Địa phương có hoạt động liên kết, phát triển vùng với đô thị đặc biệt có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Thành phố trong xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án liên kết, phát triển vùng;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương để triển khai thực hiện dự án trên địa bàn; bố trí kinh phí để quản lý, bảo trì, sửa chữa, vận hành đối với công trình hạ tầng trên phạm vi địa bàn tại địa phương mình;

c) Chia sẻ chi phí môi trường, bao gồm chi phí kiểm soát, giảm thiểu và khắc phục ô nhiễm môi trường có liên quan;

d) Cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ liên kết, phát triển vùng và phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh;

đ) Phối hợp giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định về liên kết, phát triển vùng.

Điều 42. Bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu vùng đô thị đặc biệt

1. Việc phối hợp bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu vùng đô thị đặc biệt đối với các vấn đề liên tỉnh, bao gồm quản lý và cải thiện chất lượng không khí; quản lý nguồn nước, nước thải theo lưu vực sông và hệ thống thoát nước; quản lý chất thải rắn theo chuỗi phát sinh - thu gom - vận chuyển - xử lý; quản lý phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Ủy ban nhân dân Thành phố giữ vai trò điều phối trong cơ chế phối hợp vùng đô thị đặc biệt về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên cơ sở bảo đảm hài hòa lợi ích, chia sẻ trách nhiệm và tuân thủ pháp luật.

2. Cơ chế phối hợp vùng đô thị đặc biệt trong bảo vệ môi trường bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Chia sẻ, kết nối và sử dụng chung dữ liệu môi trường, nguồn thải và nguồn phát thải;

b) Thiết lập hệ thống quan trắc, giám sát ô nhiễm môi trường liên vùng;

c) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch môi trường vùng, phù hợp với từng thành phần môi trường;

d) Quản lý chất lượng nước, chất lượng môi trường không khí; quản lý chất thải rắn và nước thải; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; ứng phó biến đổi khí hậu; kiểm soát ô nhiễm và ứng phó sự cố ô nhiễm môi trường;

đ) Huy động, phân bổ và sử dụng chung nguồn lực cho các nhiệm vụ, đề án, dự án bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu liên tỉnh.

3. Trên cơ sở thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các địa phương trong vùng đô thị đặc biệt, Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng cơ chế điều

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

phối, nội dung phối hợp, trách nhiệm của các bên liên quan và cơ chế giám sát việc thực hiện phối hợp vùng trong quản lý môi trường.

4. Trên cơ sở thống nhất về nội dung giữa các địa phương trong vùng đô thị đặc biệt, Thành phố và các địa phương khác trong vùng đô thị đặc biệt quy định biện pháp bảo vệ môi trường nghiêm ngặt hơn so với quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được thực hiện như sau:

a) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định đối tượng, mức lưu lượng xả nước thải, bụi, khí thải công nghiệp phải áp dụng biện pháp quan trắc tự động, liên tục; mức phí bảo vệ môi trường cao hơn áp dụng với nước thải, bụi, khí thải công nghiệp;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải và lộ trình áp dụng.

Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các địa phương khác trong vùng đô thị đặc biệt quy định tại khoản này được thực hiện theo quy định của pháp luật về văn bản quy phạm pháp luật.

Chương III

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ ĐẶC BIỆT

Điều 43. Công nhận khu kinh tế đặc biệt

1. Xã, phường hoặc đặc khu được công nhận là khu kinh tế đặc biệt khi đáp ứng các tiêu chí sau đây:

a) Có vị trí chiến lược, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước;

b) Có cảng hàng không quốc tế hoặc cảng biển loại I trở lên;

c) Có không gian tương đối độc lập, dễ kiểm soát, có quy mô dân số, diện tích tự nhiên lớn.

2. Chính phủ công nhận khu kinh tế đặc biệt sau khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền.

3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

Điều 44. Nhiệm vụ, quyền hạn về tổ chức bộ máy ở khu kinh tế đặc biệt

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi có khu kinh tế đặc biệt quyết định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân, tỷ lệ đại biểu hoạt động chuyên trách của Hội đồng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

nhân dân; số lượng, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các Ban của Hội đồng nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu kinh tế đặc biệt quyết định số lượng Ủy viên Ủy ban nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt; số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt. Số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt không tính vào tổng số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã của toàn tỉnh, thành phố theo khung số lượng do Chính phủ quy định.

3. Hội đồng nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt có thẩm quyền:

a) Quyết định số lượng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác nhiều hơn quy định của Chính phủ; việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, đổi tên, điều chỉnh chức năng của cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt phù hợp với đặc thù của khu kinh tế đặc biệt;

b) Quy định vị trí việc làm công chức, viên chức của cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt.

4. Ủy ban nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt có thẩm quyền:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế trên địa bàn theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 49 của Luật này;

b) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, đổi tên, điều chỉnh chức năng của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt phù hợp với đặc thù của khu kinh tế đặc biệt.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt quyết định:

a) Việc thuê, tuyển dụng và bổ nhiệm người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt;

b) Việc ký kết hợp đồng thực hiện chuyên môn trong khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

6. Công tác quản lý nhà nước về kiểm tra, giám sát hải quan tại khu kinh tế đặc biệt được thực hiện bởi một đơn vị hải quan do Hải quan khu vực quản lý địa bàn ở khu kinh tế đặc biệt chỉ định. Trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền về quản lý hải quan thành lập mới đơn vị hải quan để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tại khu kinh tế đặc biệt.

7. Căn cứ điều kiện đặc thù, định hướng phát triển, năng lực thực thi của từng địa phương, Chính phủ điều chỉnh một số nhiệm vụ, quyền hạn từ Ủy ban nhân

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu kinh tế đặc biệt cho cơ quan, tổ chức, cá nhân ở khu kinh tế đặc biệt.

Điều 45. Quy hoạch ở khu kinh tế đặc biệt

1. Quy hoạch chung khu kinh tế đặc biệt:

a) Quy hoạch chung khu kinh tế đặc biệt được lập cho khu kinh tế đặc biệt trên cơ sở tích hợp nội dung của quy hoạch chung khu kinh tế (nếu có), quy hoạch chung xã, quy hoạch chung đô thị và tương đương, quy hoạch chung đặc khu là đô thị theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn, định hướng quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của khu kinh tế đặc biệt;

b) Quy hoạch chung khu kinh tế đặc biệt được lập đối với toàn bộ phạm vi của khu kinh tế đặc biệt nhằm cụ thể hóa các nội dung quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, Quy hoạch tổng thể Thành phố (nếu có) thay thế và có giá trị pháp lý như các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu có liên quan đến khu kinh tế đặc biệt;

c) Nội dung quy hoạch chung khu kinh tế đặc biệt được lập, phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh có thể khác với quy hoạch tỉnh để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, khu kinh tế đặc biệt. Quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung thành phố, Quy hoạch tổng thể Thành phố (nếu có) được điều chỉnh sau khi quy hoạch chung khu kinh tế đặc biệt được phê duyệt;

d) Ủy ban nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch chung khu kinh tế đặc biệt theo trình tự, thủ tục, nội dung, định mức chi phí do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

Trường hợp khu kinh tế đặc biệt thuộc Thành phố thì thực hiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 của Luật này.

2. Quy hoạch chi tiết của khu kinh tế đặc biệt:

a) Quy hoạch chi tiết được lập đối với từng khu vực trong khu kinh tế đặc biệt trên cơ sở cụ thể hóa các nội dung của quy hoạch chung khu kinh tế đặc biệt;

b) Nội dung quy hoạch chi tiết của khu kinh tế đặc biệt thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn. Ủy ban nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch chi tiết ở khu kinh tế đặc biệt theo trình tự, thủ tục do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

c) Quy hoạch chi tiết trong khu kinh tế đặc biệt được tổ chức lập đồng thời với quy hoạch chung khu kinh tế đặc biệt. Quy hoạch chi tiết đã được lập, thẩm định xong trước quy hoạch chung khu kinh tế đặc biệt thì được phê duyệt trước. Trường hợp quy hoạch chi tiết được phê duyệt không phù hợp với quy hoạch chung khu kinh tế đặc biệt thì phải điều chỉnh để bảo đảm sự phù hợp, thống nhất về nội dung với quy hoạch chung khu kinh tế đặc biệt.

3. Quy hoạch chung khu kinh tế đặc biệt, quy hoạch chi tiết trong khu kinh tế đặc biệt không phải thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

Điều 46. Bảo đảm trật tự, an toàn khu kinh tế đặc biệt

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi có khu kinh tế đặc biệt quy định về việc áp dụng biện pháp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 16 của Luật này tại khu kinh tế đặc biệt.

2. Trách nhiệm của người cung cấp dịch vụ điện, nước và việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng liên quan thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 16 của Luật này.

Điều 47. Quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách ở khu kinh tế đặc biệt

1. Nhà nước ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách trung ương để đầu tư cho các dự án trọng điểm về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn khu kinh tế đặc biệt sau khi có ý kiến chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Đảng ủy Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Hội đồng nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt quy định nội dung chi từ nguồn thực hiện chính sách tiền lương của địa phương sau khi phải bảo đảm đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương và chính sách an sinh xã hội theo quy định để thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, đảng, đoàn thể do Ủy ban nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt quản lý theo hiệu quả công việc;

b) Sau khi chi thu nhập bình quân tăng thêm tại điểm a khoản này, trường hợp nguồn cải cách tiền lương vẫn còn dư thì được chi đầu tư cho dự án kết cấu hạ tầng, nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê và nhà lưu trú tại khu kinh tế đặc biệt.

3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi có khu kinh tế đặc biệt quyết định hỗ trợ thu nhập bình quân tăng thêm cho đối tượng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này từ nguồn thực hiện chính sách tiền lương của địa phương sau khi phải bảo đảm đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương và chính sách an sinh xã hội theo quy định.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

4. Hội đồng nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt quy định về chính sách thưởng nhằm tôn vinh, động viên, khuyến khích các tập thể, hộ gia đình, cá nhân trong nước và nước ngoài có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ khu kinh tế đặc biệt.

5. Cơ chế thực hiện biện pháp giảm phát thải khí nhà kính theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon như sau:

a) Nguồn thu từ giao dịch tín chỉ các-bon hình thành từ các chương trình, dự án từ nguồn vốn ngân sách của khu kinh tế đặc biệt hoặc từ các chương trình, dự án từ nhà đầu tư cam kết dành cho khu kinh tế đặc biệt là nguồn thu ngân sách cấp tỉnh được hưởng 100% và không dùng để xác định số bổ sung cân đối giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương;

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi có khu kinh tế đặc biệt ban hành quy định sử dụng toàn bộ nguồn thu từ giao dịch tín chỉ các-bon quy định tại điểm a khoản này để đầu tư các chương trình, dự án ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn trên địa bàn khu kinh tế đặc biệt.

Điều 48. Thu hút nhà đầu tư chiến lược ở khu kinh tế đặc biệt

1. Danh mục ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược ở khu kinh tế đặc biệt bao gồm:

a) Đầu tư xây dựng và kinh doanh du lịch đường thủy nội địa, trung tâm logistics, khu phi thuế quan, khu công nghệ cao có quy mô vốn đầu tư từ 1.000 tỷ đồng trở lên;

b) Đầu tư xây dựng trung tâm sinh thái biển, nuôi biển công nghệ cao, công viên biển có quy mô vốn đầu tư từ 1.500 tỷ đồng trở lên;

c) Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay, bến cảng; dịch vụ cảng biển, khai thác và vận hành du thuyền; công trình giao thông nối các tuyến đảo có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên;

d) Đầu tư xây dựng và kinh doanh khách sạn, khu dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng cao cấp, khu vui chơi giải trí tổng hợp và khu dịch vụ du lịch phức hợp cao cấp có quy mô vốn đầu tư từ 10.000 tỷ đồng trở lên; trường hợp đầu tư và kinh doanh khu dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có casino (sau đây gọi là dự án casino) thì quy mô vốn đầu tư tương đương từ 2 tỷ đô la Mỹ trở lên;

đ) Đầu tư dự án trong lĩnh vực công nghiệp năng lượng sạch, công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, cơ khí chính xác, trung tâm dự trữ quốc gia về

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

năng lượng, nhiên liệu, khoáng sản chiến lược, trung tâm nghiên cứu dược phẩm có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên;

e) Đầu tư cơ sở y tế chất lượng cao, cơ sở giáo dục chất lượng cao có quy mô vốn đầu tư từ 1.000 tỷ đồng trở lên;

g) Đầu tư xây dựng và kinh doanh dịch vụ cung cấp nhiên liệu hàng không (bao gồm nhiên liệu sạch), bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và các dịch vụ kỹ thuật hàng không liên quan, có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên;

h) Dự án đầu tư đóng mới, sửa chữa tàu biển, công nghiệp phụ trợ đóng tàu, xây dựng cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu du lịch, du thuyền có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên.

2. Nhà đầu tư chiến lược ở khu kinh tế đặc biệt là nhà đầu tư được lựa chọn để thực hiện dự án thuộc Danh mục ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược ở khu kinh tế đặc biệt và đáp ứng điều kiện sau đây:

a) Có vốn chủ sở hữu góp vào dự án tối thiểu bằng 20% tổng vốn đầu tư đối với dự án có quy mô vốn đầu tư đến dưới 10.000 tỷ đồng;

b) Có vốn chủ sở hữu góp vào dự án tối thiểu bằng 15% tổng vốn đầu tư đối với dự án có quy mô vốn đầu tư từ 10.000 tỷ đồng trở lên;

c) Trong trường hợp có nhiều nhà đầu tư tham gia đầu tư cùng một dự án thì tổng vốn chủ sở hữu góp vào dự án của các nhà đầu tư phải đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này, trong đó phải có ít nhất 01 nhà đầu tư góp tối thiểu là 30% và các nhà đầu tư còn lại phải góp tối thiểu là 15%. Dự án gồm nhiều dự án thành phần hoặc gồm nhiều phân kỳ đầu tư, trừ dự án nhà ở thương mại, thì vốn chủ sở hữu tối thiểu góp vào dự án được xác định theo từng dự án thành phần hoặc theo phân kỳ đầu tư nhưng không được thấp hơn 30% tổng vốn chủ sở hữu tối thiểu góp vào từng dự án thành phần, phân kỳ đầu tư của dự án và tuân thủ quy định tại khoản 7 Điều này;

d) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm d khoản 2 Điều 36 của Luật này.

3. Nhà đầu tư chiến lược ở khu kinh tế đặc biệt được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ sau đây:

a) Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế đặc biệt như dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Được kéo dài thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ các dự án đầu tư mới thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này không quá 05 năm so với quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Chủ tịch Ủy ban nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt quyết định việc kéo dài thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại điểm này.

4. Nguyên tắc, điều kiện, căn cứ xác định thời gian áp dụng ưu đãi quy định tại khoản 3 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

5. Nhà đầu tư thực hiện dự án casino được tính thêm phần vốn đã giải ngân vào các dự án là đô thị, dịch vụ, du lịch, vui chơi giải trí, các dự án là cơ sở hạ tầng tại khu kinh tế đặc biệt khi xem xét điều kiện giải ngân tối thiểu 50% tổng mức đầu tư của dự án để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino. Thời hạn hoạt động kinh doanh casino thực hiện theo thời hạn hoạt động của dự án, trừ trường hợp ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh.

Doanh nghiệp được chấp thuận chủ trương đầu tư dự án casino phải cam kết không chuyển nhượng phần vốn góp tại doanh nghiệp thực hiện các dự án cơ sở hạ tầng và doanh nghiệp thực hiện các dự án cơ sở hạ tầng phải cam kết không chuyển nhượng dự án cơ sở hạ tầng cho đến khi dự án casino đã hoàn thành giải ngân tối thiểu 50% tổng mức đầu tư. Số vốn đầu tư đã giải ngân thực hiện các dự án cơ sở hạ tầng chỉ được tính không quá 25% tổng vốn đầu tư của dự án casino (không vượt quá giá trị tương đương 500 triệu đô la Mỹ) khi xác định thời điểm được phép kinh doanh casino.

6. Nhà đầu tư chiến lược ở khu kinh tế đặc biệt được hưởng chế độ ưu đãi quy định tại điểm b khoản 7 Điều 36 của Luật này.

Người đứng đầu cơ quan Hải quan khu vực quản lý địa bàn khu kinh tế đặc biệt được công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ việc áp dụng chế độ ưu tiên cho nhà đầu tư chiến lược ở khu kinh tế đặc biệt.

7. Nhà đầu tư chiến lược ở khu kinh tế đặc biệt có các nghĩa vụ sau đây:

a) Dự án có quy mô vốn đầu tư dưới 10.000 tỷ đồng thì phải giải ngân tổng vốn đầu tư của dự án trong thời hạn 05 năm kể từ ngày bàn giao đất, bàn giao khu vực biển trên thực địa.

Dự án có quy mô vốn đầu tư từ 10.000 tỷ đồng đến dưới 50.000 tỷ đồng thì phải giải ngân tổng vốn đầu tư của dự án trong thời hạn 07 năm kể từ ngày bàn giao đất, bàn giao khu vực biển trên thực địa.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Dự án có quy mô vốn đầu tư từ 50.000 tỷ đồng đến dưới 100.000 tỷ đồng thì phải giải ngân tổng vốn đầu tư của dự án trong thời hạn 10 năm kể từ ngày bàn giao đất, bàn giao khu vực biển trên thực địa.

Dự án có quy mô vốn đầu tư từ 100.000 tỷ đồng trở lên thì phải giải ngân tổng vốn đầu tư của dự án trong thời hạn 15 năm kể từ ngày bàn giao đất, bàn giao khu vực biển trên thực địa;

b) Không được chuyển nhượng dự án hoặc chuyển nhượng vốn góp, cổ phần trong tổ chức được thành lập để thực hiện dự án trong thời hạn 10 năm kể từ ngày bàn giao đất, bàn giao khu vực biển trên thực địa;

c) Hỗ trợ kinh phí để đào tạo nghề đối với lao động bị ảnh hưởng tại khu vực dự án; ưu tiên tiếp nhận lao động địa phương vào làm việc tại dự án; thực hiện cam kết về việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ (nếu có).

8. Nhà đầu tư chiến lược ở khu kinh tế đặc biệt thuộc trường hợp Nhà nước giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất có trách nhiệm ứng kinh phí để thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật này. Việc xử lý kinh phí ứng trước quy định tại khoản này thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

9. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, trường hợp nhà đầu tư chiến lược ở khu kinh tế đặc biệt không đáp ứng điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân và các điều kiện khác đối với nhà đầu tư chiến lược thì không được hưởng ưu đãi quy định tại Luật này, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc nguyên nhân không xuất phát từ nhà đầu tư. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về các hậu quả phát sinh do không thực hiện đúng cam kết, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

10. Hội đồng nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt quy định:

a) Tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện lựa chọn nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 2 Điều này, trừ trường hợp đầu tư dự án casino;

b) Việc phạt, bồi hoàn các khoản ưu đãi, hỗ trợ đã nhận, chấm dứt dự án do không đáp ứng điều kiện, không thực hiện cam kết, nghĩa vụ của nhà đầu tư chiến lược.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Điều 49. Quản lý đầu tư ở khu kinh tế đặc biệt

1. Ủy ban nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt có thẩm quyền:

a) Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sử dụng vốn ngân sách của khu kinh tế đặc biệt, bao gồm vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý hoặc các khoản hỗ trợ từ ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác cho khu kinh tế đặc biệt;

b) Quy định danh mục vật liệu xây dựng mới, vật liệu tái chế, vật liệu xanh, vật liệu nhẹ, vật liệu thông minh, vật liệu thân thiện môi trường, vật liệu phù hợp vùng ven biển được ưu tiên áp dụng; quy định tỷ lệ, lộ trình sử dụng phù hợp với tính chất công trình, điều kiện thực tiễn của khu kinh tế đặc biệt; quyết định việc ưu tiên giải pháp thiết kế hạn chế sử dụng vật liệu truyền thống, giảm phát thải, tiết kiệm tài nguyên.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt có thẩm quyền:

a) Chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư trong khu kinh tế đặc biệt thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đầu tư;

b) Cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thực hiện các thẩm quyền khác của cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định đối với dự án trong khu kinh tế đặc biệt;

c) Cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép kinh doanh, giấy phép lập cơ sở bán lẻ đối với các dự án thực hiện trong khu kinh tế đặc biệt;

d) Quyết định đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt;

đ) Giao cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đối với các dự án trong khu kinh tế đặc biệt do Chủ tịch Ủy ban nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt quyết định đầu tư và các dự án đầu tư kinh doanh thuộc diện phải thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Hội đồng nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt quy định:

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

a) Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư, chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này;

b) Trình tự, thủ tục thực hiện các nội dung quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này.

Điều 50. Quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường ở khu kinh tế đặc biệt

1. Các trường hợp thu hồi đất trên địa bàn khu kinh tế đặc biệt:

a) Các trường hợp thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Thu hồi đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng đối với dự án cần triển khai ngay theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Đảng ủy Chính phủ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, thành phố.

Thẩm quyền, trình tự, thủ tục thu hồi đất quy định tại điểm này thực hiện theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trường hợp áp dụng bảng giá đất; bảng giá đất và hệ số điều chỉnh hoặc xác định giá đất cụ thể trên địa bàn khu kinh tế đặc biệt; trình tự xác định, thẩm định, phê duyệt giá đất cụ thể trên địa bàn khu kinh tế đặc biệt và việc giao tổ chức tư vấn xác định giá đất theo hình thức chỉ định thầu rút gọn.

3. Ủy ban nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt được giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án có sử dụng đất đối với các dự án nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê, nhà lưu trú và các trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt có thẩm quyền:

a) Quyết định việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn khu kinh tế đặc biệt theo trình tự, thủ tục do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu kinh tế đặc biệt quy định, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, không gây thất thoát, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, cục bộ, phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc phương

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch tỉnh, thành phố đã được phân bổ cho khu kinh tế đặc biệt;

b) Quyết định giá đất cụ thể để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn khu kinh tế đặc biệt theo quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn khu kinh tế đặc biệt thuộc thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu kinh tế đặc biệt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường theo trình tự, thủ tục do Hội đồng nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt quy định;

d) Tiếp nhận đăng ký môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở trên địa bàn khu kinh tế đặc biệt thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu kinh tế đặc biệt;

đ) Cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở trên địa bàn khu kinh tế đặc biệt thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu kinh tế đặc biệt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường theo trình tự, thủ tục do Hội đồng nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt quy định.

Điều 51. Thu hút và phát triển nguồn nhân lực ở khu kinh tế đặc biệt

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi có khu kinh tế đặc biệt có thẩm quyền:

a) Quyết định sử dụng ngân sách tỉnh, thành phố để đầu tư xây dựng nhà ở, nhà cho thuê cho các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao, người lao động có hợp đồng lao động làm việc trên địa bàn khu kinh tế đặc biệt để thuê, mua, thuê mua;

b) Quy định việc khám sức khỏe miễn phí tại các bệnh viện, cơ sở y tế công lập thuộc quản lý của tỉnh, thành phố đối với các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao làm việc trên địa bàn khu kinh tế đặc biệt và thành viên gia đình (bao gồm cha, mẹ đẻ; cha, mẹ của vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi dưới 18 tuổi) khi có nhu cầu;

c) Quyết định miễn học phí, giá dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo có liên quan đối với con đẻ, con nuôi dưới 18 tuổi của các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao làm việc trên địa bàn khu kinh tế đặc biệt khi theo học tại các cơ sở giáo dục công lập của tỉnh, thành phố;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

d) Quy định chính sách về thu nhập, tiền lương, tiền thưởng và các chế độ đãi ngộ khác phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh;

đ) Quy định đối tượng, tiêu chí, mức thu nhập, hỗ trợ chi phí thuê, mua nhà ở, chi phí lưu trú cho các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt làm việc trên địa bàn khu kinh tế đặc biệt;

e) Quy định trình tự, thủ tục, phương thức hỗ trợ để thực hiện chính sách quy định tại khoản này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt được cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động và xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động và các thủ tục cần thiết khác đối với người lao động nước ngoài làm việc tại các tổ chức, doanh nghiệp, dự án hoặc tham gia triển khai, vận hành, quản lý các dự án đầu tư tại khu kinh tế đặc biệt; cho phép thực hiện đồng thời các trình tự, thủ tục liên quan.

3. Hội đồng nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt quy định trình tự, thủ tục thực hiện các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 52. Phát triển kinh tế biển thuộc phạm vi khu kinh tế đặc biệt

1. Việc giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản tại khu kinh tế đặc biệt được thực hiện như sau:

a) Sau khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến và được sự chấp thuận của Bộ Quốc phòng thì Ủy ban nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản trên biển cho nhà đầu tư trong nước đối với khu vực biển nằm ngoài phạm vi vùng biển 06 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền hoặc của đảo lớn nhất thuộc các đặc khu hoặc đồng thời nằm trong và ngoài phạm vi vùng biển 06 hải lý nhưng không vượt quá ranh giới ngoài của lãnh hải;

b) Miễn tiền sử dụng khu vực biển trong 15 năm và giảm 50% tiền sử dụng khu vực biển cho thời gian còn lại đối với diện tích khu vực biển được giao để thực hiện dự án nuôi trồng thủy sản trên biển của nhà đầu tư trong nước có hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển trong phạm vi vùng biển 06 hải lý, vùng biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài phạm vi vùng biển 06 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền hoặc của đảo lớn nhất thuộc các đặc khu.

Áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10%, miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập của tổ chức

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

là nhà đầu tư trong nước từ dự án nuôi trồng thủy sản trên biển trong phạm vi vùng biển 06 hải lý, vùng biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài phạm vi vùng biển 06 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền hoặc của đảo lớn nhất thuộc các đặc khu;

c) Trong khả năng cân đối ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm tai nạn cho người lao động làm việc trên lồng bè nuôi trồng thủy sản và trên các phương tiện phục vụ cho hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển, hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm rủi ro thiên tai đối với đối tượng thủy sản nuôi trên biển;

d) Thời gian bắt đầu hưởng ưu đãi, điều kiện áp dụng ưu đãi thuế, thu nhập được hưởng ưu đãi quy định tại khoản này thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Ngoài nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Hội đồng nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù khác để thúc đẩy, phát triển kinh tế biển.

Điều 53. Thẩm quyền thành lập, cơ chế, chính sách đối với khu phi thuế quan trong khu kinh tế đặc biệt

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu kinh tế đặc biệt quyết định thành lập khu phi thuế quan trong khu kinh tế đặc biệt sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính.

2. Cơ chế, chính sách đối với khu phi thuế quan trong khu kinh tế đặc biệt thực hiện theo quy định tại Điều 22 của Luật này.

3. Cơ chế, chính sách đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh khác trong khu phi thuế quan:

a) Nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện hoạt động kinh doanh chuyển khẩu hàng hóa. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép kinh doanh chuyển khẩu được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương;

b) Các doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong khu phi thuế quan được niêm yết, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng bằng ngoại tệ và thanh toán, nhận thanh toán với nhau bằng ngoại tệ chuyển khoản từ việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ trong khu phi thuế quan;

c) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài được mở phòng giao dịch trong khu phi thuế quan ngoài trụ sở chi nhánh theo điều kiện, hồ sơ, thủ tục và nội dung hoạt động do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Điều 54. Thành lập và kinh doanh cửa hàng miễn thuế trong khu kinh tế đặc biệt

1. Việc thành lập và kinh doanh cửa hàng miễn thuế trong khu kinh tế đặc biệt được thực hiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh hàng miễn thuế.

2. Người chờ xuất cảnh được mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế trong khu kinh tế đặc biệt không hạn chế về số lượng và trị giá. Hàng hóa miễn thuế được nhận tại quầy nhận hàng trong khu cách ly tại cửa khẩu quốc tế nơi hành khách xuất cảnh.

3. Người nước ngoài khi nhập cảnh vào Việt Nam có đăng ký lưu trú trong khu kinh tế đặc biệt thì được mua hàng miễn thuế trong cửa hàng miễn thuế trong khu kinh tế đặc biệt để sử dụng trong thời gian lưu trú.

Trường hợp thời gian lưu trú từ 10 ngày trở lên thì được mua hàng miễn thuế 01 lần định mức theo quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Định mức mua hàng miễn thuế trong khu kinh tế đặc biệt đối với đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này do Chính phủ quy định.

5. Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế chịu trách nhiệm bán hàng hóa đúng đối tượng, mục đích sử dụng, định mức theo quy định tại Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương IV

GIÁM SÁT, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH

Điều 55. Trách nhiệm của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội

1. Quốc hội xem xét báo cáo về việc thi hành Luật này theo đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Chính phủ; quyết định bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần văn bản do Chính phủ ban hành theo quy định tại Luật này.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội có trách nhiệm:

a) Giám sát việc thi hành Luật này;

b) Căn cứ quy định của pháp luật hoặc để bảo đảm lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, đối ngoại quốc gia, đình chỉ việc thi hành văn bản của Chính phủ ban hành theo quy định tại Luật này và trình Quốc hội quyết định việc bãi bỏ văn bản đó tại kỳ họp gần nhất, quyết định bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần văn bản do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Luật này;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

c) Xem xét báo cáo của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế, chính sách quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 1 và khoản 7 Điều 63 của Luật này; xem xét báo cáo của Hội đồng nhân dân Thành phố là đô thị đặc biệt về việc thi hành Luật này.

3. Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm giám sát việc thi hành Luật này; giám sát việc ban hành văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị của Thành phố là đô thị đặc biệt.

4. Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm:

a) Giám sát việc thi hành Luật này, việc ban hành văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị;

b) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thi hành Luật này;

c) Tham gia hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển thành phố, vùng đô thị đặc biệt, khu kinh tế đặc biệt.

Điều 56. Trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ

1. Chính phủ có trách nhiệm:

a) Tổ chức theo dõi, kiểm tra, thanh tra việc thi hành Luật này; bảo đảm việc phân quyền, phân cấp trong Luật này được thực hiện thống nhất, hiệu quả, đúng quy định;

b) Chỉ đạo theo dõi, đánh giá, kiểm soát rủi ro đối với việc thực hiện các cơ chế, chính sách quy định tại Luật này;

c) Báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thực hiện cơ chế, chính sách quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 1 và khoản 7 Điều 63 của Luật này.

2. Thủ tướng Chính phủ có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo việc phối hợp liên ngành, xử lý các vấn đề liên vùng, liên ngành phát sinh trong quá trình thực hiện cơ chế, chính sách quy định tại Luật này;

b) Căn cứ quy định của pháp luật hoặc để bảo đảm lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, đối ngoại quốc gia, đình chỉ việc thi hành toàn bộ hoặc một phần văn bản do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Luật này, đồng thời báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội bãi bỏ; bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

văn bản do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành theo quy định tại Luật này.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ; kiểm tra, thanh tra và thực hiện hoạt động khác trong quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực phù hợp với quy định phân quyền, phân cấp tại Luật này;

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện, đánh giá các cơ chế, chính sách quy định tại Luật này;

c) Báo cáo hoặc kiến nghị Thủ tướng Chính phủ về việc đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ văn bản quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 57. Trách nhiệm của chính quyền Thành phố

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp của Thành phố, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Kịp thời tổ chức và bảo đảm việc thi hành Luật này và văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị; bảo đảm nguồn lực thực hiện cơ chế, chính sách quy định tại Luật này;

b) Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định của Luật này và văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị thuộc phạm vi quản lý và chịu trách nhiệm về những vi phạm, yếu kém xảy ra trong công tác xây dựng, phát triển và bảo vệ Thành phố;

c) Công khai, minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình để Nhân dân biết, tham gia ý kiến, giám sát việc thực hiện quy định tại Luật này;

d) Không thực hiện phân cấp, ủy quyền các thẩm quyền được quy định tại Luật này, trừ thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26 của Luật này.

Đối với thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì việc phân cấp, ủy quyền thực hiện theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật đó.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Giám sát việc thi hành Luật này;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về kết quả thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 34 của Luật này; trường hợp áp dụng cơ chế, chính sách khác với quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội thì báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất;

c) Định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thi hành Luật này.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Bảo đảm an toàn, thuận lợi cho hoạt động của các cơ quan trung ương của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức quốc tế và cho việc tổ chức chương trình, sự kiện quốc gia, quốc tế trên địa bàn Thành phố;

b) Phối hợp, hỗ trợ các địa phương trong vùng đô thị đặc biệt và cả nước thông qua việc mở rộng các hình thức liên kết, hợp tác cùng phát triển;

c) Tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia có hiệu quả vào quá trình xây dựng, phát triển và bảo vệ Thành phố;

d) Đề xuất Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định việc áp dụng pháp luật quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 của Luật này;

đ) Tổ chức đánh giá hiệu quả đối với văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo quy định tại Điều 7 của Luật này sau 01 năm thi hành; thực hiện sơ kết, tổng kết theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân Thành phố, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

e) Hằng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố, Chính phủ về việc thi hành Luật này.

4. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Luật này, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, theo nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền tại Luật này, có trách nhiệm:

a) Báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội những vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

b) Báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

c) Báo cáo Bộ, cơ quan ngang Bộ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

5. Trách nhiệm giải trình của chính quyền Thành phố:

a) Thực hiện giải trình theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền khi phát sinh vấn đề lớn, có tác động lan tỏa hoặc ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, việc bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và quyền con người, quyền cơ bản của công dân.

Nội dung giải trình bao gồm mục tiêu, phạm vi tác động và đánh giá rủi ro, hệ quả kinh tế - xã hội của việc áp dụng các cơ chế, chính sách; kết quả thực hiện, hiệu quả sử dụng nguồn lực, tác động đối với phát triển Thành phố và lợi ích chung của quốc gia; giải pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hạn chế, bất cập, sai sót phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền;

b) Nội dung giải trình phải được công khai theo quy định của pháp luật để Nhân dân giám sát.

Điều 58. Trách nhiệm của chính quyền thành phố không là đô thị đặc biệt

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp của thành phố, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Kịp thời tổ chức thi hành, bảo đảm nguồn lực thực hiện cơ chế, chính sách được thực hiện theo quy định của Luật này và văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị do Chính phủ ban hành;

b) Kiểm tra, giám sát, tổ chức thanh tra việc thực hiện các quy định của Luật này và văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị do Chính phủ ban hành thuộc phạm vi quản lý và chịu trách nhiệm về những vi phạm, yếu kém xảy ra trong công tác xây dựng, phát triển và bảo vệ thành phố;

c) Công khai, minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình để Nhân dân biết, tham gia ý kiến, giám sát việc thực hiện quy định tại Luật này và văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị do Chính phủ ban hành;

d) Không thực hiện phân cấp, ủy quyền các thẩm quyền được quy định tại Luật này và văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị do Chính phủ ban hành.

Đối với thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì việc phân cấp, ủy quyền thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật đó;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

đ) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác và trách nhiệm giải trình theo quy định của Chính phủ.

2. Hội đồng nhân dân thành phố, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này; giám sát việc thi hành Luật này và văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị do Chính phủ ban hành.

3. Ủy ban nhân dân thành phố, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này; hằng năm, báo cáo Chính phủ, Hội đồng nhân dân thành phố về việc thi hành Luật này và văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị do Chính phủ ban hành.

Điều 59. Trách nhiệm của chính quyền cấp tỉnh nơi có khu kinh tế đặc biệt

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu kinh tế đặc biệt, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Kịp thời tổ chức thi hành, bảo đảm nguồn lực thực hiện cơ chế, chính sách đối với khu kinh tế đặc biệt quy định tại Luật này và văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị về nội dung khu kinh tế đặc biệt;

b) Kiểm tra, giám sát, tổ chức thanh tra việc thực hiện các quy định của Luật này và văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị về nội dung khu kinh tế đặc biệt và chịu trách nhiệm về những vi phạm, yếu kém xảy ra trong quản lý, phát triển khu kinh tế đặc biệt;

c) Công khai, minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình để Nhân dân biết, tham gia ý kiến, giám sát việc thực hiện các quy định tại Luật này và văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị về nội dung khu kinh tế đặc biệt;

d) Không thực hiện phân cấp, ủy quyền các thẩm quyền được quy định tại Luật này và văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị do Chính phủ ban hành.

Đối với thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu kinh tế đặc biệt được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì việc phân cấp, ủy quyền thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật đó;

đ) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác và trách nhiệm giải trình theo quy định của Chính phủ.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi có khu kinh tế đặc biệt, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này và các nội dung sau đây:

a) Quyết định cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền;

b) Quyết định đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp và Hội đồng nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu kinh tế đặc biệt, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này; hằng năm, báo cáo Chính phủ, Hội đồng nhân dân cùng cấp về việc thi hành Luật này và văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị về nội dung khu kinh tế đặc biệt.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu kinh tế đặc biệt, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này; đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt; đình chỉ việc thi hành văn bản trái pháp luật của Hội đồng nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để đề nghị Hội đồng nhân dân cùng cấp bãi bỏ.

Điều 60. Trách nhiệm của chính quyền ở khu kinh tế đặc biệt

Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách theo quy định tại Luật này và văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị về nội dung khu kinh tế đặc biệt;

2. Công khai, minh bạch, bảo đảm trách nhiệm giải trình;

3. Định kỳ đánh giá hiệu quả thi hành, báo cáo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu kinh tế đặc biệt;

4. Kịp thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản để xử lý vướng mắc phát sinh.

Điều 61. Trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

trận, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với việc thi hành Luật này và văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị.

Điều 62. Xử lý vi phạm, loại trừ, miễn trách nhiệm pháp lý

1. Xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, trục lợi, những nhiễu của cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc trong quá trình triển khai thực hiện Luật này.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị; cán bộ, công chức, viên chức, người tham gia khác trong xây dựng, ban hành Luật này và văn bản được ban hành theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Luật này, văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị được loại trừ, miễn trách nhiệm pháp lý trong trường hợp không vụ lợi, đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn xảy ra thiệt hại.

3. Cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc khác vì lợi ích chung trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, hoạt động công vụ do cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền giao mà gây ra thiệt hại nhưng được cơ quan có thẩm quyền kết luận không phải do vụ lợi và vì sự phát triển chung của Thành phố, khu kinh tế đặc biệt thì được loại trừ, miễn trách nhiệm pháp lý tùy theo tính chất, mức độ.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 63. Điều khoản thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2026, trừ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Quy định tại khoản 4 Điều 7 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2026. Kể từ ngày Luật này được thông qua, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện việc xây dựng, ban hành văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị theo quy định tại Luật này.

3. Chính sách ưu đãi thuế quy định tại điểm b khoản 2, điểm a khoản 3, điểm a khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 39, khoản 3, khoản 4 Điều 48, điểm b, điểm d khoản 1 Điều 52 của Luật này được áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2027.

4. Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 71/2025/QH15, Luật số 72/2025/QH15 và Nghị quyết số 260/2025/QH15 (sau đây gọi là Nghị quyết số

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

98/2023/QH15) hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2027, trừ quy định tại khoản 9 Điều 5, khoản 7 Điều 6 của Nghị quyết số 98/2023/QH15 hết hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2031 và trừ trường hợp thực hiện chuyển tiếp theo quy định tại khoản 4 Điều 64 của Luật này.

5. Quy định tại điểm q khoản 1 và khoản 10 Điều 12 của Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 71/2025/QH15, Luật số 72/2025/QH15 và Nghị quyết số 259/2025/QH15 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

6. Chính phủ quy định:

a) Trình tự, thủ tục công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ việc áp dụng chế độ ưu tiên hải quan quy định tại Luật này;

b) Điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với khu phi thuế quan; trình tự, thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa ra vào khu phi thuế quan quy định tại Luật này;

c) Chế độ, thủ tục hải quan và quản lý chuyên ngành đặc thù tại khu cảng mở.

7. Trên cơ sở nguyên tắc, cơ chế, chính sách, giám sát, thanh tra, kiểm tra và trách nhiệm giải trình quy định tại Luật này, Chính phủ quy định:

a) Việc thành lập, cơ chế, chính sách, mô hình quản lý khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp, khu phi thuế quan ở tỉnh, thành phố chưa được áp dụng quy định của Luật này;

b) Việc đầu tư, xây dựng, phát triển khu đô thị lấn biển quy định tại Điều 19 của Luật này và việc áp dụng đối với tỉnh, thành phố chưa được áp dụng quy định của Luật này.

Điều 64. Điều khoản chuyển tiếp về cơ chế, chính sách đối với Thành phố Hồ Chí Minh

1. Các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế tài chính, cơ chế quản lý, cơ chế tự chủ, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách đã được phê duyệt, đang triển khai trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo quyết định đã ban hành; trường hợp phù hợp với quy định tại Luật này thì được chuyển sang thực hiện theo cơ chế, thẩm quyền quy định của Luật này mà không phải phê duyệt lại.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Các cơ chế thí điểm, thử nghiệm, thử nghiệm có kiểm soát, mô hình quản trị mới đang triển khai trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo phương án đã được phê duyệt; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố được điều chỉnh nội dung, phạm vi, thời gian thí điểm, thử nghiệm, thử nghiệm có kiểm soát để phù hợp với quy định tại Luật này mà không phải thực hiện lại trình tự phê duyệt.

3. Đối với các nội dung về tổ chức chính quyền, tổ chức bộ máy, chế độ công vụ, vị trí việc làm đã được thực hiện trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định mới theo thẩm quyền quy định tại Luật này.

4. Các cơ chế, chính sách, nhiệm vụ, hoạt động, dự án đang thực hiện theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Nghị quyết này, trừ trường hợp Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định áp dụng quy định của Luật này.

Đối với vùng phụ cận các nút giao thông dọc tuyến đường Vành đai 3 được xác định phát triển theo mô hình TOD theo quy định tại Nghị quyết số 98/2023/QH15 thì Hội đồng nhân dân Thành phố thực hiện thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 của Luật này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 của Luật này.

5. Trong thời gian Nghị quyết số 188/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt để phát triển hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh còn hiệu lực thi hành, Hội đồng nhân dân Thành phố tiếp tục thực hiện thẩm quyền quyết định điều chỉnh, bổ sung các dự án đường sắt mới nằm trên địa bàn Thành phố vào Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 188/2025/QH15 theo nhu cầu phát triển của Thành phố và báo cáo Chính phủ kết quả thực hiện.

6. Hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận mà đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành chưa được giải quyết xong thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

7. Đối với dự án, gói thầu do cơ quan có thẩm quyền của Thành phố quyết định hoặc chấp thuận theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, nhà ở, đấu thầu mà chưa hoàn thành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo quy định của pháp luật tại thời điểm quyết định hoặc chấp thuận, trừ trường hợp Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định áp dụng quy định của Luật này.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

8. Việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược đối với dự án đã được thực hiện hoặc đang triển khai theo quy định của các nghị quyết của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù đối với Thành phố thì tiếp tục thực hiện theo quy định, văn bản triển khai các nghị quyết đó, trừ trường hợp Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định áp dụng quy định của Luật này.

Điều 65. Điều khoản chuyển tiếp về cơ chế, chính sách đối với thành phố không là đô thị đặc biệt

Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù cho thành phố quy định tại khoản 3 Điều 1 của Luật này tiếp tục có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần cho đến khi nghị định của Chính phủ ban hành theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 1 và khoản 7 Điều 63 của Luật này có hiệu lực thi hành.

Điều 66. Điều khoản chuyển tiếp về cơ chế, chính sách đối với khu kinh tế đặc biệt

1. Các quy hoạch đô thị và nông thôn đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày đơn vị hành chính cấp xã được công nhận là khu kinh tế đặc biệt được tiếp tục thực hiện cho đến khi quy hoạch chung khu kinh tế đặc biệt được phê duyệt theo quy định của Luật này. Sau khi quy hoạch chung khu kinh tế đặc biệt được phê duyệt, Ủy ban nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt quyết định các quy hoạch chi tiết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tiếp tục được thực hiện.

2. Các dự án đầu tư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước ngày đơn vị hành chính cấp xã được công nhận là khu kinh tế đặc biệt thì tiếp tục được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định tại văn bản đã cấp; trường hợp ưu đãi quy định tại Luật này có lợi hơn thì được áp dụng ưu đãi theo Luật này cho thời gian còn lại của dự án theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt.

3. Hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận mà đến ngày đơn vị hành chính cấp xã được công nhận là khu kinh tế đặc biệt chưa được giải quyết xong thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

4. Việc chuyển tiếp đối với nội dung về tổ chức chính quyền, tổ chức bộ máy, chế độ công vụ, vị trí việc làm tại đơn vị hành chính cấp xã do Chính phủ quyết định khi công nhận khu kinh tế đặc biệt.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân ở khu kinh tế đặc biệt quyết định giá đất cụ thể, giao tổ chức tư vấn xác định giá đất theo hình thức chỉ định thầu rút gọn đối với các trường hợp đã có quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, điều chỉnh quy hoạch chi tiết mà phải xác định lại giá đất thuộc trường hợp xác định giá đất cụ thể nhưng đến ngày đơn vị hành chính cấp xã được công nhận là khu kinh tế đặc biệt chưa lựa chọn được tổ chức thực hiện định giá đất.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp không thường lệ thứ Nhất thông qua ngày 24 tháng 8 năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn